



BẢN TIN **Khoa học** **Công nghệ**

ISSN 2815 - 584X



Số 05-2023

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI



Ngày Tiêu chuẩn Thế giới
14/10/2023

Tiêu chuẩn phục vụ các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG)
Tầm nhìn chung cho một thế giới tốt đẹp hơn



BẢN TIN Khoa học Công nghệ

Số 05-2023



Chịu trách nhiệm xuất bản:

THS. NGUYỄN VĂN THÀNH

Giám đốc Sở KH&CN

Thực hiện:

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI

202 - Trường Chinh - TP. Quảng Ngãi

Điện thoại: 0255.3822007

Fax: 0255.3828529

Email: ttuudvkhcn-skhn@quangngai.gov.vn

Website: <https://skh.quangngai.gov.vn>

Ảnh bìa 1:

Thông điệp Ngày Tiêu chuẩn
Thế giới 14/10/2023.

Trong số này:

Kính Biểu

◆ Những vấn đề chung:

✎ Thông điệp Ngày Tiêu chuẩn Thế giới 14/10/2023.

NGUYỄN DUNG 1

✎ Công bố Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi.

MINH PHƯƠNG 2

✎ Kế hoạch cải thiện và nâng hạng Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI).

THANH MINH 4

✎ Ban hành Danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường.

MAI HƯƠNG 8

◆ Khoa học - Công nghệ và đổi mới sáng tạo:

✎ Đẩy mạnh quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng gắn với phát triển doanh nghiệp.

NGUYỄN TÚ 10

✎ Doanh nghiệp nỗ lực chuyển đổi số.

MINH THẢO 12

✎ Giải pháp sáng tạo của Điện lực Quảng Ngãi.

PHƯƠNG NGUYỄN 15

✎ Lợi ích của doanh nghiệp khi thực hiện truy xuất nguồn gốc.

MINH NGUYỄN 17

✎ Đánh giá điều trị khe hở vòm miệng tại Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi.

CẨM UYÊN 19

✎ Nghiên cứu tình trạng dinh dưỡng và thực trạng nuôi dưỡng người bệnh phẫu thuật đường tiêu hóa tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

PHƯƠNG UYÊN 21

✎ Mô hình sản xuất lạc VietGAP.

ANH KHUÊ 24

✎ Liên kết sản xuất hạt lúa giống nguyên chủng QNg6, Qng128.

ANH KHUÊ 26

✎ 35 giải pháp đạt giải tại Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 13 (2022-2023).

PHƯƠNG NGUYỄN 27

◆ Doanh nghiệp cần biết:

28

Thông điệp Ngày Tiêu chuẩn Thế giới 14/10/2023

Ngày 14 tháng 10 hằng năm đã được ba tổ chức tiêu chuẩn hàng đầu thế giới là Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế (IEC), Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) và Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU) chọn là Ngày Tiêu chuẩn Thế giới nhằm vinh danh những đóng góp và hợp tác của hàng ngàn chuyên gia, tổ chức trên toàn thế giới trong hoạt động xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.



**Ngày Tiêu chuẩn Thế giới
14/10/2023**

Tiêu chuẩn phục vụ các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG)
Tầm nhìn chung cho một thế giới tốt đẹp hơn



Jo Cops
Chủ tịch IEC

Ulrika Francke
Chủ tịch ISO

Seizo Onoe
Giám đốc ITU

Từ năm 2021, ba tổ chức cùng thống nhất Chủ đề Tiêu chuẩn phục vụ các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG) - Tầm nhìn chung cho một thế giới tốt đẹp hơn (Standards for SDGs – Our shared vision for a better world) như một hành trình kéo dài nhiều năm, nhằm thể hiện vai trò của tiêu chuẩn trong việc đóng góp công cụ để đạt được các Mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals - SDG).

Năm 2023, Thông điệp ngày Tiêu chuẩn thế giới được lựa chọn là: *Tiêu chuẩn phục vụ các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG) Tầm nhìn chung cho một thế giới tốt đẹp hơn*

Mục tiêu Phát triển Bền vững 3 - chăm sóc sức khỏe an toàn và dễ tiếp cận cho tất

cả mọi người

Tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng là quyền của con người và thiết yếu đối với sự phát triển bền vững. SDG 3 nhằm đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và thúc đẩy hạnh phúc cho mọi người ở mọi lứa tuổi.

Các tiêu chuẩn quốc tế và đánh giá sự phù hợp đóng một vai trò quan trọng trong việc đạt được các mục tiêu của SDG 3. Chúng cung cấp một khuôn khổ toàn cầu tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các công nghệ y tế kỹ thuật số, nghiên cứu và phát triển, sản xuất và bảo trì các thiết bị và hệ thống chăm sóc sức khỏe, đảm bảo các thiết bị y tế, dịch vụ và hệ thống chăm sóc sức khỏe hiệu quả, an toàn và đáng tin cậy có thể tiếp cận được với số lượng lớn dân số toàn cầu.

Tiêu chuẩn cũng cung cấp cơ sở cho việc hoạch định chính sách hiệu quả và các quy định khuyến khích sự hợp tác nhằm cải thiện kết quả chăm sóc sức khỏe.

Khi công nghệ y tế kỹ thuật số phát triển, các tiêu chuẩn IEC, ISO và ITU giúp đảm bảo rằng các hệ thống được an toàn và quyền riêng tư của người bệnh được bảo vệ.

Chúng ta hợp tác cùng nhau để đẩy nhanh Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hiệp quốc, với các tiêu chuẩn phục vụ các Mục tiêu Phát triển Bền vững và ‘tầm nhìn chung cho một thế giới tốt đẹp hơn’ ■

NGUYỄN DUNG (tổng hợp)

Công bố Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi

✍ MINH PHƯƠNG

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN tỉnh Quảng Ngãi.

Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực hoạt động KH&CN thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN tỉnh Quảng Ngãi có 3 thủ tục hành chính, gồm: Cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao; sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao; cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.

Theo đó, quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoạt động KH&CN thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở KH&CN tỉnh Quảng Ngãi có nội dung công việc cụ thể như sau:

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao: Thời gian thực hiện 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định

B1. Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ:

- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ.
- Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào Phần mềm.

- Quét scan và lưu trữ hồ sơ điện tử.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Lập Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do, căn cứ pháp lý.

+ Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ và nêu rõ lý do từ chối theo quy định của



*Sở Khoa học và Công nghệ
tỉnh Quảng Ngãi - Địa chỉ: 202A Trường
Chinh, phường Chánh Lộ, TP. Quảng Ngãi.*

pháp luật.

B2. Chuyển hồ sơ:

Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Phòng Quản lý Công nghệ và Chuyên ngành (QLCN&CN).

B3. Phân công xử lý:

Lãnh đạo Phòng QLCN&CN phân công chuyên viên chuyển hồ sơ đến các thành viên của Hội đồng xem xét.

B4. Kiểm tra, xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ không hợp lệ: Hội đồng ban hành văn bản từ chối giải quyết (nêu rõ lý do).

- Nếu hồ sơ hợp lệ: Hội đồng xem xét, đánh giá trên hồ sơ và đánh giá tại tổ chức, doanh nghiệp theo quy định.

B5. Ký duyệt hồ sơ:

Phê duyệt, quyết định cấp Giấy chứng nhận hoặc ký văn bản từ chối giải quyết (nêu rõ lý do).

B6. Trả kết quả:

- Kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử.

- Chuyển hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoặc trả kết quả cho tổ chức/ doanh nghiệp

☞ nghiệp.

- Ký xác nhận việc nhận kết quả trên Mẫu số 04.

- Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng.

2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao:

2.1. Thời gian thực hiện: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

B1. Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ:

- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ.
- Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào Phần mềm.

- Quét scan và lưu trữ hồ sơ điện tử.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Lập Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do, căn cứ pháp lý.

+ Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ và nêu rõ lý do từ chối theo quy định của pháp luật.

B2. Chuyển hồ sơ:

Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Phòng QLCN&CN.

B3. Phân công xử lý:

Lãnh đạo Phòng QLCN&CN phân công chuyên viên xử lý.

B4. Kiểm tra, xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ không hợp lệ: Tham mưu ban hành văn bản từ chối giải quyết (nêu rõ lý do).

- Nếu hồ sơ hợp lệ: Tham mưu cấp Giấy chứng nhận.

B5. Ký duyệt hồ sơ:

Phê duyệt, quyết định cấp Giấy chứng nhận hoặc ký văn bản từ chối giải quyết (nêu rõ lý do).

B6. Trả kết quả:

- Kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử.

- Chuyển hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoặc trả kết quả cho tổ chức/ doanh nghiệp.

- Ký xác nhận việc nhận kết quả trên Mẫu số 04.

- Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng.

2.2. Thời gian thực hiện: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định (đối với trường hợp có thay đổi công nghệ, sản phẩm công nghệ hoặc quy mô sản lượng, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm)

B1. Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ:

- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ.
- Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào Phần mềm.

- Quét scan và lưu trữ hồ sơ điện tử.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Lập Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do, căn cứ pháp lý.

+ Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ và nêu rõ lý do từ chối theo quy định của pháp luật.

B2. Chuyển hồ sơ:

Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Phòng QLCN&CN.

B3. Phân công xử lý:

Lãnh đạo Phòng QLCN&CN phân công chuyên viên xử lý.

B4. Kiểm tra, xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ không hợp lệ: Tham mưu ban hành văn bản từ chối giải quyết (nêu rõ lý do).

- Nếu hồ sơ hợp lệ: Tham mưu cấp Giấy chứng nhận.

B5. Ký duyệt hồ sơ: Phê duyệt, quyết định cấp Giấy chứng nhận hoặc ký văn bản từ chối giải quyết (nêu rõ lý do).

B6. Trả kết quả:

- Kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử.

- Chuyển hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoặc trả kết quả cho tổ chức/ doanh nghiệp.

- Ký xác nhận việc nhận kết quả trên Mẫu
(Xem tiếp trang 7)

KẾ HOẠCH CẢI THIỆN VÀ NÂNG HẠNG CHỈ SỐ XANH CẤP TỈNH (PGI)

✍️ THANH MINH

Theo kết quả công bố của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) về Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI), tỉnh Quảng Ngãi có PGI đạt 14,60 điểm, xếp vị trí thứ 33/63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Với kết quả đạt được, để tiếp tục duy trì, cải thiện và nâng cao PGI nhằm tạo chuyển biến tích cực về môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh Quảng Ngãi, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 01/8/2023 về Cải thiện và nâng hạng Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI).

CHỈ SỐ XANH CẤP TỈNH (PGI)



Mục tiêu chung nhằm duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) của tỉnh; tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về ý nghĩa và tầm quan trọng của PGI; nâng cao nhận thức, vai trò và trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn, chủ doanh nghiệp, người lao động, nhân dân trên địa bàn tỉnh trong việc duy trì, cải thiện kết quả và nâng cao thứ bậc xếp hạng PGI của tỉnh, góp phần cải thiện đầu tư kinh doanh thân thiện với môi trường, đảm bảo phát triển bền vững trong thời gian tới.

Mục tiêu cụ thể đó là: Duy trì, cải thiện và nâng hạng PGI của tỉnh từ xếp vị trí thứ 33/63 tỉnh, thành phố trong cả nước lên 23/63 tỉnh, thành phố; phấn đấu cải thiện số điểm của các chỉ số thành phần PGI từ 14,64 điểm lên 15,10 điểm (tăng 0,46 điểm so với năm 2022), cụ thể như sau:

- Chỉ số Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu (BĐKH) (cho doanh nghiệp): Phấn đấu từ điểm số từ 3,20 (thứ hạng 57) lên 3,36 điểm (tăng 0,16 điểm, điểm hạng thứ 46 so với năm 2022).

- Chỉ số Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu: Phấn đấu từ điểm số từ 5,16 điểm (thứ hạng 18) lên 5,23 điểm (tăng 0,07 điểm, điểm hạng thứ 14 so với năm 2022).

- Chỉ số Vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trong thúc đẩy thực hành xanh: Phấn đấu từ điểm số từ 4,12 (thứ hạng 30) lên 4,24 điểm (tăng 0,12 điểm, điểm hạng thứ 25 so với năm 2022).

- Chỉ số Chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường: Phấn đấu từ điểm số từ 2,16 (thứ hạng 15) lên 2,27 điểm (tăng 0,11 điểm, điểm hạng thứ 11 so với năm 2022).

Qua đó, nhiệm vụ và giải pháp cải thiện ➡

☞ các chỉ số thành phần của PGI gồm:

Chỉ số thành phần 1: Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về ô nhiễm môi trường, BĐKH và ứng phó với những tác động của BĐKH.

- Triển khai xây dựng các cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai, BĐKH theo quy hoạch qua đó giảm thiểu, giảm nhẹ tác động tiêu cực của thiên tai đối với doanh nghiệp. Chủ động các phương án ứng phó với thiên tai và BĐKH, tập trung nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai; kịp thời khắc phục hậu quả sau thiên tai, giảm mức thấp ảnh hưởng đến đời sống nhân dân và hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý về lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Yêu cầu các Khu công nghiệp (KCN), Cụm công nghiệp (CCN) đang hoạt động, đầu tư mới phải đầu tư, xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng KCN, CCN theo quy định tại Điều 51 và Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. 100% KCN hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường.

- Tăng cường công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm về môi trường; phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Đầu tư hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; tiếp tục theo dõi Hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục; đảm bảo 100% các cơ sở có nguồn thải (khí thải, nước thải) lớn phải lắp đặt trạm quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục và kết nối, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát; công bố kết quả quan trắc trên Trang thông tin điện tử

của Sở Tài nguyên và Môi trường và phương tiện truyền thông của tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp thích ứng với tình hình BĐKH. Đối với các KCN, CCN đang quy hoạch cần thực hiện việc đánh giá tác động của BĐKH đến KCN, CCN và lên phương án thực hiện xây dựng có tích hợp thích ứng với BĐKH.

- Nghiên cứu, áp dụng các vật liệu tại chỗ trong xây dựng; ứng dụng công nghệ để tăng độ bền công trình.

- Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân chuyển đổi, thay thế nguồn cung cấp năng lượng từ nhiên liệu hóa thạch sang các dạng năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, sinh khối, khí sinh học...

- Nghiên cứu biện pháp chống ngập lụt đô thị trong điều kiện BĐKH.

- Tăng cường hoạt động kiểm soát khí thải từ hoạt động giao thông vận tải.

- Tăng cường, thúc đẩy các hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất công nghiệp, giao thông đặc biệt đối với các đơn vị sử dụng năng lượng trọng điểm, cận trọng điểm.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, thiết bị đối với đơn vị sản xuất các sản phẩm lợi thế ở địa phương và hỗ trợ nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, doanh nghiệp.

Chỉ số thành phần 2: Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu

- Triển khai xây dựng các phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường cấp tỉnh, cấp huyện.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các vụ việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Hướng dẫn, kiểm tra công tác thực hiện các quy định của pháp luật về hạ tầng xử lý nước thải, khí thải tại các đô thị, khu dân cư



Năm	2022
Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của BĐKH	3.20
Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu	5.16
Vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trong bảo vệ môi trường	4.12
Chính sách ưu đãi và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường	2.16
Điểm số PGI	14.60
Xếp hạng	33

Xếp hạng trong Chỉ số Xanh cấp tỉnh Quảng Ngãi (nguồn: <https://pcivietnam.vn>).

nông thôn tập trung, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo quy định pháp luật.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; tổ chức thực hiện các Kế hoạch của UBND tỉnh: số 104/KH-UBND ngày 31/8/2020 về việc quản lý rác thải nhựa đại dương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025, số 112/KH-UBND ngày 16/5/2023 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 04/3/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Chỉ số thành phần 3: Thúc đẩy thực hành xanh

- Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước mua sắm xanh, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong hoạt động mua sắm xanh đối với các dự án đầu tư, nhiệm vụ sử dụng ngân sách Nhà nước.

- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn về hoạt động sản xuất, sử dụng

năng lượng tái tạo; bảo tồn, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, tăng tần suất, thời lượng và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền. Tập huấn nâng cao trình độ cho cán bộ làm công tác quản lý, bảo vệ môi trường của các sở, ban ngành, UBND các cấp và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Chủ động giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền, phát huy tính năng động, sáng tạo trong thực thi chính sách nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp về sử dụng nước tiết kiệm, giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa và sử dụng các sản phẩm thay thế, thân thiện với môi trường; tăng cường quản lý chất thải rắn, hạn chế ô nhiễm nguồn nước, giảm ô nhiễm môi trường không khí.

- Bảo vệ, phục hồi, tái sinh rừng tự nhiên, đẩy mạnh trồng rừng, nhất là trồng rừng đầu nguồn.

Chỉ số thành phần 4: Chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh công tác hỗ trợ doanh nghiệp bằng nhiều hình thức mới, hiệu quả cao hơn, chú trọng công tác xúc tiến đầu tư tại chỗ bằng cách luôn đồng hành hỗ trợ, quan tâm

☞ giải quyết tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là vấn đề bảo vệ môi trường, tạo không gian xanh cho những doanh nghiệp đã đầu tư và đang tìm hiểu đầu tư tại tỉnh. Từ đó tạo tính lan tỏa tích cực để đẩy mạnh thu hút, xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

- Tiếp tục rà soát, đề xuất triển khai chính sách khuyến công, trong đó ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất trong quá trình chuyển đổi xanh. Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu và hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu xây dựng, triển khai chính sách khuyến khích, hỗ trợ về tăng khả năng chống chịu thiên tai

và hỗ trợ tái trồng rừng.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung, tài liệu tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường để tổ chức tuyên truyền, giáo dục trong các cấp học trên địa bàn tỉnh.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm các ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng; tăng cường, khuyến khích các ngành ít sử dụng năng lượng.

- Tham mưu ban hành cơ chế chính sách để hỗ trợ, thúc đẩy việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, hướng dẫn cho các nhà đầu tư thực hiện đúng hồ sơ môi trường của dự án theo quy định của pháp luật ■

Công bố Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục...

(Tiếp theo trang 3)

số 04.

- Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng.

3. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao: Thời gian thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định

B1. Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ:

- Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ.
- Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào Phần mềm.

- Quét scan và lưu trữ hồ sơ điện tử.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: Lập Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do, căn cứ pháp lý.

+ Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ và nêu rõ lý do từ chối theo quy định của pháp luật.

B2. Chuyển hồ sơ:

Chuyển hồ sơ (giấy, điện tử) về Phòng QLCN&CN.

B3. Phân công xử lý:

Lãnh đạo Phòng QLCN&CN phân công chuyên viên xử lý.

B4. Kiểm tra, xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ không hợp lệ: Tham mưu ban hành văn bản từ chối giải quyết (nêu rõ lý do).

- Nếu hồ sơ hợp lệ: Tham mưu cấp Giấy chứng nhận.

B5. Ký duyệt hồ sơ:

Phê duyệt, quyết định cấp Giấy chứng nhận hoặc ký văn bản từ chối giải quyết (nêu rõ lý do).

B6. Trả kết quả:

- Kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử.

- Chuyển hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoặc trả kết quả cho tổ chức/ doanh nghiệp.

- Ký xác nhận việc nhận kết quả trên Mẫu số 04.

- Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng ■

BAN HÀNH DANH MỤC CỤ THỂ CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ, SẢN PHẨM NGÀNH CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 22/8/2023 về việc Ban hành Danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường.

Theo đó, Danh mục nhóm công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường và Danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường được quy định như sau:

*** Thiết bị, sản phẩm để xử lý khí thải:**

1. Thiết bị, sản phẩm xử lý bụi (lọc bụi túi vải, lọc bụi tĩnh điện, lọc bụi ướt, thiết bị lắng bụi trọng lực, thiết bị ly tâm tách bụi; xe tưới đường đập bụi chuyên dụng; máy phun sương đập bụi cao áp cố định và di động; Ventury tách bụi ướt, thiết bị tách bụi bằng từ tính). 2. Thiết bị xử lý các khí thải: NO_x ; SO_x ; H_2S ; Flo, NH_3 , Clo, C_xH_y , VOCs và các khí thải khác (thiết bị hấp thụ khí, thiết bị hấp phụ khí, thiết bị oxy hóa khử). 3. Thiết bị xử lý hơi kim loại nặng; dioxin/furan; thiết bị hấp thụ hơi axit và các dung môi/khí khác. 4. Thiết bị đốt CO (công đoạn cracking dầu); thiết bị thu hồi nhiệt khí thải. 5. Thiết bị khử mùi; khử mùi ống khói, tách giọt trong ống khói. 6. Thiết bị xử lý khí thải động cơ đốt trong. 7. Thiết bị xử lý mùi, khí thải của trạm xử lý nước thải.

*** Thiết bị, sản phẩm để xử lý nước thải, tái sử dụng nước thải:** 1. Thiết bị xử lý nước thải hợp khối. 2. Thiết bị tách rác (song chắn rác, lưới chắn rác, máy cào rác, bể tách rác, thiết bị lược rác khô). 3. Thiết bị xử lý nước thải bằng phương pháp hóa lý (keo tụ, lắng, tuyển nổi, điện hóa, hấp phụ, chưng). 4. Thiết bị xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học (yếm khí, kỵ khí, hiếu khí). 5. Thiết bị xử lý nước thải bằng màng lọc (màng vi

lọc, siêu lọc UF, lọc Nano, màng thẩm thấu ngược RO, thẩm thấu xuôi FO). 6. Thiết bị xử lý nước thải nâng cao (xử lý photpho, xử lý nitơ, các ion kim loại nặng trong nước, khử màu, khử nguyên tố vết). 7. Thiết bị xử lý nước thải bằng quá trình oxy hóa nâng cao (Fenton, oxy hóa điện hóa, siêu âm, peroxon, catazon, quang fenton, UV/O_3 , $\text{UV/H}_2\text{O}_2$, quang xúc tác bán dẫn). 8. Thiết bị khử trùng nước thải (sục khí Ozon, chlorine, tia UV, màng lọc). 9. Thiết bị phát tia năng lượng cao (tia gamma, electron beam) xử lý hợp chất hữu cơ mạch vòng có gốc clo, vi sinh vật mang mầm bệnh. 10. Thiết bị xử lý nước thải bệnh viện và các cơ sở y tế chứa vi sinh vật gây bệnh, thuốc kháng sinh. 11. Thiết bị xử lý nước thải công nghiệp quốc phòng chứa thuốc phóng, thuốc nổ, chất cháy. 12. Thiết bị xử lý nước thải chứa chất phóng xạ, nước thải xử lý quặng uran, đất hiếm. 13. Thiết bị ép bùn (khung bản; băng tải; trục vít; chân không, đĩa lọc). 14. Thiết bị làm mềm nước cứng. 15. Ống, cống thoát nước đúc sẵn (bê tông ly tâm đúc sẵn; từ các loại vật liệu khác: UPVC, HDPE, PPR, PEX, FRP, GRP, gang, thép). 16. Trạm bơm và các thiết bị tham gia vận chuyển nước thải, nước mưa; bồn, bể, kết nước mưa/nước thải; trạm chân không, thiết bị cấp khí cho vận chuyển và xử lý nước thải. 17. Các loại bể xử lý nước thải (Bể lắng cát, vớt dầu mỡ; bể làm thoáng sơ bộ; bể điều hoà chất lượng và lưu lượng; bể tự hoại; bể các loại; bể lọc hiệu khí; bể lọc kỵ khí, bể sục khí bùn hoạt tính lơ lửng (Aerotank); bể lọc sinh học nhỏ giọt/cao tải). 18. Giá thể sinh học; đệm vi sinh. 19. Thiết bị xử lý cặn (thiết bị hoặc bể cô đặc cặn, bể ổn định cặn hiếu khí, bể ổn định cặn yếm khí, bể ổn định cặn bằng phương pháp khác). 20. Hệ thống thu hồi dầu

☞ nhớt thải phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy. 21. Hệ thống xử lý nước thải xi mạ xử lý bề mặt kim loại. 22. Hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi.

*** Thiết bị phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và các thiết bị tái chế chất thải, phế liệu khác:** 1. Tủ đựng rác thải sinh hoạt. 2. Tủ đựng rác thải y tế nguy hại. 3. Thùng thu gom, phân loại rác. 4. Xe, phương tiện vận chuyển, thu gom rác. 5. Thiết bị nghiền rác, băm rác, vo rác thải, phế liệu. 6. Thiết bị đập, nghiền, sàng, chế biến chất thải xây dựng. 7. Thiết bị xử lý bùn từ trạm/nhà máy xử lý nước thải; 8. Thiết bị xử lý bột, váng, chất nổi; 9. Thiết bị, sản phẩm thu hồi, xử lý pin nhiên liệu của phương tiện giao thông. 10. Thiết bị tái chế giấy. 11. Thiết bị tái chế nhựa. 12. Thiết bị tái chế kim loại (sắt, thép, đồng, chì, nhôm v.v...). 13. Thiết bị tái chế bụi lò luyện thép. 14. Thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng không nung từ chất thải. 15. Thiết bị thu gom, vận chuyển tro bay, xỉ đáy lò. 16. Thiết bị xử lý gyps (thạch cao PG). 17. Thiết bị, lò nung nấu tái chế (chì, kẽm, nhựa). 18. Lò nung cán thép, luyện kim từ đồng xử lý chất thải. 19. Lò nung xi măng đồng xử lý chất thải (theo xi măng). 20. Lò đốt chất thải nguy hại. 21. Lò đốt chất thải y tế. 22. Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt. 23. Lò đốt chất thải rắn công nghiệp thông thường. 24. Dây chuyền sản xuất, chế biến phân composte từ rác thải. 25. Dây chuyền sản xuất viên nén nhiên liệu (RDF). 26. Dây chuyền sản xuất, chế biến rác thải bằng phương pháp khí hóa thành khí tổng hợp syngas. 27. Thiết bị tái chế cao su. 28. Dây chuyền xử lý chất thải rắn bằng công nghệ đốt rác thu hồi năng lượng để phát điện. 29. Dây chuyền nhiên liệu hóa chất thải rắn sinh khối phát điện (Công nghệ lên men vi sinh và sấy siêu tốc ERS). 30. Dây chuyền công nghệ khí hóa plasma xử lý các chất thải rắn. 31. Công nghệ ép rác

thải, công nghệ ủ khô thu Biogas phát điện. 32. Thiết bị tái chế rác thải thực phẩm.

*** Thiết bị đo lường, giám sát môi trường:** 1. Thiết bị quan trắc khí hậu, vi khí hậu. 2. Thiết bị quan trắc môi trường khí (khí thải; không khí xung quanh). 3. Thiết bị quan trắc môi trường nước (nước thải, nước mặt, nước dưới đất, nước biển, nước nuôi trồng thủy hải sản). 4. Thiết bị quan trắc môi trường đất. 5. Thiết bị đo tiếng ồn. 6. Thiết bị đo độ rung. 7. Thiết bị đo ánh sáng. 8. Thiết bị đo độ phóng xạ. 9. Thiết bị đo sóng siêu âm. 10. Thiết bị lấy mẫu, bảo quản mẫu, phân tích mẫu (trầm tích, nước ngầm, nước mặt, nước thải, đất, không khí, khí thải). 11. Hệ thống quan trắc môi trường (không khí, nước, đất) tự động, liên tục (bao gồm thiết bị đo, bộ thu thập dữ liệu và các thiết bị phụ trợ). 12. Camera giám sát môi trường. 13. Các thiết bị, sản phẩm để quan trắc khí thải, nước thải và xử lý chất thải (khí thải, nước thải, chất thải rắn) được lắp đặt trên các phương tiện giao thông. 14. Trạm quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh (AQMS); trạm quan trắc tự động chất lượng nước thải, nước mặt.

*** Thiết bị, sản phẩm phục vụ sản xuất năng lượng từ chất thải:** 1. Thiết bị tuần hoàn, thu hồi nhiệt dư của các lò đốt nhiên liệu (nồi hơi, turbin khí). 2. Lò đốt rác thu hồi nhiệt, lò đốt rác phát điện. 3. Thiết bị thu hồi khí biogas (từ phân bùn bể phốt, chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp).

*** Hóa chất, chế phẩm sinh học, vật liệu, vật tư thay thế phục vụ xử lý chất thải, bảo vệ môi trường:** 1. Hóa chất, chế phẩm sinh học, vật liệu xử lý nước. (Chlorine, Phèn chua $KAl(SO_4)_2$, chất trợ lắng PAC, sản phẩm, vật liệu đệm xử lý nước). 2. Hóa chất, chế phẩm sinh học, vật liệu xử lý khí thải (NH_4NO_3 , NH_3 , Pt, $CaCO_3$, CaO, $Ca(OH)_2$). 3. Hóa chất, chế phẩm sinh học, vật liệu xử lý chất thải rắn. 4. Chế phẩm xử lý chất thải sinh hoạt. 5. Vật liệu hấp phụ (than hoạt
(Xem tiếp trang 14)

ĐẨY MẠNH QUẢN LÝ TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG GẮN VỚI PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP

Trong 9 tháng đầu năm 2023, công tác quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng của tỉnh đã tham mưu ban hành Kế hoạch duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Sở Khoa học và Công nghệ; ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước (CQHCCN) trên địa bàn tỉnh, năm 2023; ban hành Kế hoạch và tổ chức khóa đào tạo “Duy trì, cải tiến, đánh giá nội bộ HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các CQHCCN”. Tham mưu tổ chức 03 khóa đào tạo về năng suất chất lượng cho 175 lượt người tham gia với các nội dung gồm: Đảm bảo an toàn thông tin trong quá trình chuyển đổi số tại doanh nghiệp thông qua thực hiện Hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2013; Hướng dẫn triển khai Hệ thống quản lý an toàn, sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018; Hướng dẫn triển khai cải tiến năng suất và đánh giá hiệu quả theo công cụ Kaizen -

NGUYỄN TÚ
Công tác quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã tổ chức triển khai thực hiện trọng tâm các nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra; giúp cho doanh nghiệp nâng cao vai trò quản lý tốt về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và gia tăng sản xuất.



Khóa đào tạo hướng dẫn triển khai cải tiến năng suất và đánh giá hiệu quả theo công cụ Kaizen - 5S.

5S; bên cạnh đó triển khai Kế hoạch tổ chức Hội thảo về năng suất chất lượng, Kế hoạch tổ chức khóa đào tạo chuyên sâu về năng suất chất lượng. Phối hợp với Trung tâm Mã số, mã vạch quốc gia, tham mưu tổ chức đào tạo về mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc cho 60 lượt người tham gia là tổ chức, cá nhân và các cơ quan trên địa bàn tỉnh.

Nhằm nâng cao nhận thức cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đã tổ chức các lớp tập huấn về đảm bảo đo lường, chất

lượng trong kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG); quy định về đo lường, ghi nhãn hàng hoá đối với hàng đóng gói sẵn trên địa bàn các huyện Bình Sơn, Mộ Đức và thành phố Quảng Ngãi.

Thực hiện tiếp nhận 05 hồ sơ công bố hợp quy; 07 hồ sơ công bố hợp chuẩn; tiếp nhận và xác nhận 27 hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với mặt hàng thép và cáp điện; hướng dẫn, hỗ trợ 06 cơ sở đăng ký sử dụng mã số mã vạch; 03 cơ sở xây dựng tiêu chuẩn cơ sở.

Thực hiện 04 đợt khảo

☞ sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2023 đối với 40 mẫu, cụ thể: 10 mẫu dầu nhờn động cơ đốt trong; 10 mẫu phân bón; 05 mẫu thép làm cốt bê tông; 05 mẫu thiết bị điện, điện tử; 10 mẫu thực phẩm. Thực hiện báo cáo kết quả 04 đợt khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa và báo cáo kết quả khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2023 theo quy định.

Tham mưu tổ chức 03 cuộc kiểm tra nhà nước về đo lường phương tiện đo nhóm 2 gồm: Cân ô tô 12 cơ sở; Taximet 04 cơ sở và 03 cơ sở kinh doanh khí hóa lỏng. Qua kiểm tra, hầu hết các cơ sở đã thực hiện đúng quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; tuy nhiên, có 03 cơ sở trễ hạn kiểm định định kỳ phương tiện đo nhóm 2 theo quy định về đo lường và đoàn kiểm tra đã hướng dẫn các cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về đo lường và các cơ sở đã thực hiện khắc phục theo yêu cầu của đoàn kiểm tra. Bên cạnh đó, tiến hành rà soát, kiểm tra cân ô tô của các cơ sở kinh doanh trong hoạt động thu mua gỗ keo trên địa bàn tỉnh để yêu cầu các cơ sở thực hiện đúng quy định về sử dụng phương tiện đo nhóm 2 theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Tham gia Đoàn thanh tra về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng, nhãn hàng hóa và sở hữu công



Hội đồng sơ tuyển GTCLQG năm 2023 đánh giá tại chỗ Công ty TNHH MTV Hào Hưng Quảng Ngãi.

ngiệp do Thanh tra Sở chủ trì; tham gia Đoàn kiểm tra đo lường, chất lượng, nhãn hàng hóa do Chi cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa miền Trung chủ trì; tham gia họp đánh giá lại tài sản là tang vật vi phạm hành chính đã tổ chức bán đấu giá nhiều lần nhưng không có người đăng ký tham gia do Cục Quản lý thị trường tỉnh tổ chức.

Hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị Hội đồng Quốc gia xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ trao tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (GTCLQG) năm 2023 cho 03 doanh nghiệp là Công ty Cổ phần hóa chất Quảng Ngãi, Công ty TNHH Nông lâm nghiệp TBT, Công ty TNHH MTV Hào Hưng Quảng Ngãi. Tham gia Đoàn thẩm định tại chỗ 02 doanh nghiệp đề cử Giải Vàng CLQG năm 2022 do Hội đồng Quốc gia GTCLQG năm 2022 chủ trì. Tham mưu trình UBND tỉnh Hiệp y thống nhất 03 doanh nghiệp đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng GTCLQG

năm 2022 đó là: Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng Thiên Tân, Công ty Cổ phần dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC, Công ty Cổ phần hóa chất Quảng Ngãi.

Thực hiện cập nhật 870 tin cảnh báo của các nước thành viên WTO trên trang web www.epingalert.org để chọn lọc và đăng tải lên bản tin TBT; cập nhật 25 QCVN mới ban hành; 01 Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; hoàn thành Bản tin TBT số 01, 02, 03 năm 2023 gửi cho các doanh nghiệp và đăng trên trang thông tin điện tử Sở; đăng tải bài viết “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzen và nhiên liệu sinh học” trên Trang thông tin điện tử của Sở.

Đẩy mạnh quản lý hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng đã góp phần tăng cường sự quản lý và hỗ trợ tích cực cho doanh nghiệp, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển ■

DOANH NGHIỆP NỖ LỰC CHUYỂN ĐỔI SỐ

✍ MINH THẢO

Chuyển đổi số đã trở thành xu thế, yêu cầu bắt buộc đối với tất cả các lĩnh vực trong đời sống xã hội, đặc biệt là góp phần nâng suất lao động, sức cạnh tranh của doanh nghiệp.



Nhà máy gạch Phú Điền, ở xã Hành Minh (Nghĩa Hành) ứng dụng rô - bốt bốc xếp gạch tự động, giúp giảm chi phí nhân công. Ảnh: Ý THU

Toàn tỉnh Quảng Ngãi hiện có khoảng 6.450 doanh nghiệp (DN) đang hoạt động, trong đó 97% là DN nhỏ và vừa. Yêu cầu tất yếu của xu thế phát triển đòi hỏi các DN phải đẩy mạnh chuyển đổi số, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Phát triển kinh tế số

Hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT), năm 2021 Công ty TNHH Timzi, ở thị trấn Châu Ổ (Bình Sơn) đã ra mắt ứng dụng có tên Timzi. Sau khi cài đặt ứng dụng Timzi trên điện thoại thông minh, khách hàng có thể chọn mua đồ ăn, thức uống tại các cửa hàng trên ứng dụng này và được nhân viên giao hàng tận nơi. Sau hơn 2 năm ra mắt, đến nay, ứng dụng Timzi đã thu hút hơn 11 nghìn tài khoản

đăng ký. Giám đốc Công ty TNHH Timzi Lê Thanh Trường chia sẻ, nếu mở cửa hàng truyền thống anh chỉ thu hút được lượng khách hàng trong phạm vi nhất định. Còn khi phát triển ứng dụng bán hàng, giao hàng trên mạng Internet, anh có thể kết nối mạng lưới khách hàng rộng khắp. Kinh doanh số mở ra nhiều cơ hội mà kinh doanh truyền thống không làm được.

Còn đối với Công ty TNHH Phú Điền, bắt nhịp cùng xu hướng tự động hóa trong sản xuất, DN đã trang bị rô bốt tự động bốc xếp gạch. Tại nhà máy sản xuất gạch của công ty ở xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành, mỗi lần rô bốt gấp gạch chỉ mất vài giây, với khoảng 100 viên

gạch. Bình quân mỗi giờ, một rô bốt có thể đạt sản lượng bốc xếp hơn 35 nghìn viên gạch. Việc sử dụng rô bốt xếp gạch tự động, thay thế nhân công giúp quy trình bốc xếp gạch được thực hiện nhanh chóng, gọn lẹ. “Kinh phí đầu tư ứng dụng công nghệ số trong sản xuất và vận hành không hề nhỏ, nhưng đổi lại, việc ứng dụng công nghệ số giúp tiết kiệm nhân công, nâng cao chất lượng sản phẩm”, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phú Điền Trần Khắc Nguyên chia sẻ.

Hợp tác xã Sản xuất và Kinh doanh nấm Đức Nhuận, huyện Mộ Đức cũng là một trong những đơn vị đi đầu trong việc ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, kinh doanh. Giám đốc Lê Giang

Phong cho biết, mã QR là công cụ hữu hiệu trong quảng bá, tiêu thụ sản phẩm của HTX. Trước đây, khi chưa tạo mã QR, HTX gặp khó khăn trong tạo dựng niềm tin đối với khách hàng, vì họ không biết HTX ở đâu, cơ sở sản xuất nắm quy mô thế nào. Sau khi HTX tạo được mã QR và in lên sản phẩm, người tiêu dùng chỉ cần quét mã là có được thông tin về sản phẩm và nơi sản xuất. Từ đó, người tiêu dùng tin tưởng vào chất lượng sản phẩm và mua nhiều hơn. Bên cạnh việc tạo mã QR cho sản phẩm, HTX Sản xuất và Kinh doanh nấm Đức Nhuận còn chú trọng quảng bá, tiêu thụ nông sản trên mạng xã hội và các sàn thương mại điện tử như Lazada.vn, Voso.vn, Postmart.vn... “Bán hàng trên các nền tảng số giúp chúng tôi ngồi nhà, mà vẫn bán được hàng. Thậm chí, còn bán được nhiều sản phẩm hơn rất nhiều so với cách truyền thống là phải đi đến từng nhà, từng đại lý để chào hàng như trước đây”, ông Phong nói.

Chuyển đổi số mang lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp

Năm 2000, Công ty CP Phân hữu cơ Humic Quảng Ngãi được cổ phần hóa và chính thức hoạt động theo Luật DN từ ngày 1/1/2001. Trước năm 2000, công ty chủ yếu sản xuất theo phương

pháp thủ công nên năng suất thấp, chỉ vài nghìn tấn sản phẩm/năm. Đòn bẩy tạo nên sức bật cho công ty vào năm 2001, khi Công ty CP Phân hữu cơ Humic Quảng Ngãi áp dụng quy trình công nghệ của Viện Công nghệ hóa học TP.Hồ Chí Minh với dây chuyền thiết bị hiện đại, liên hoàn, khép kín, đưa năng suất lên hơn 15 nghìn tấn sản phẩm/năm. Chất lượng sản phẩm phân bón của công ty bắt nhịp nhu cầu thị trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới, áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng trọt của người dân.

“Ngoài đầu tư dây chuyền công nghệ, công ty còn áp dụng công nghệ số vào cải tiến sản phẩm, tăng doanh số và mở rộng thị trường. Các phần mềm hiện đại giúp công ty dễ dàng quản lý, giám sát công việc, quy trình sản xuất như phần mềm quản lý DN trong vận hành sản xuất, quản lý tài

chính, nhân sự, tiền lương, hệ thống bán hàng và đại lý. Lãnh đạo công ty hoàn toàn chủ động theo dõi các báo cáo, đánh giá hiệu quả hoạt động, từ đó kịp thời đưa ra những chiến lược quản trị phù hợp”, Giám đốc Công ty CP Phân hữu cơ Humic Quảng Ngãi Trần Đức Dũng cho biết. Một trong những phần mềm mang lại hiệu quả rõ rệt mà Công ty CP Phân hữu cơ Humic Quảng Ngãi áp dụng là phần mềm quản lý hệ thống đại lý, giúp công ty theo dõi sản phẩm tồn kho tại đại lý, công nợ, dư nợ. Đồng thời, thông qua phần mềm này, công ty nhận được phản hồi của khách hàng một cách nhanh chóng, chuẩn xác.

Theo chia sẻ của lãnh đạo Cục Phát triển DN (Bộ KH&ĐT), chuyển đổi số trong DN được định nghĩa là “việc tích hợp, áp dụng công nghệ số để nâng cao



Các sản phẩm của Hợp tác xã Sản xuất và Kinh doanh nấm Đức Nhuận (Mộ Đức) đều được in mã QR để truy xuất nguồn gốc. ẢNH: Ý THU

hiệu quả kinh doanh, hiệu quả quản lý nhằm nâng cao năng lực, lợi thế cạnh tranh tạo ra các giá trị mới cho DN". Các hoạt động chuyển đổi số có thể bao gồm từ việc số hóa dữ liệu, quản lý, kinh doanh của DN, áp dụng công nghệ số để tự động hóa, tối ưu hóa các quy trình nghiệp vụ, quy trình quản lý, sản xuất, kinh doanh, quy trình báo cáo phối hợp công việc trong DN, cho đến việc chuyển đổi toàn bộ mô hình kinh doanh, tạo thêm giá trị mới cho DN.

Trong xu thế phát triển chung, nhiều DN đã nỗ lực, sáng tạo đưa công nghệ mới, phần mềm tiên tiến vào sản xuất, kinh doanh, quản lý. Song thực tế cho thấy, nhiều DN nhỏ và vừa

vẫn còn lúng túng chưa biết bắt đầu từ đâu và gặp rất nhiều rào cản, khó khăn để chuyển đổi số. Bởi chi phí đầu tư vào chuyển đổi số cao, trong khi nguồn nhân lực, hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Hơn nữa, một số DN thiếu nhân lực nội bộ để ứng dụng công nghệ số. Việc thay đổi thói quen, tập quán kinh doanh của người lao động còn nhiều khó khăn.

Theo Phó Giám đốc Sở KH&CN Trần Công Hòa, để hội nhập và phát triển trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, DN phải nâng cao năng lực cạnh tranh bằng cách nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, mà trọng tâm là đẩy mạnh hoạt động

đổi mới, sáng tạo trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Giải pháp chuyển đổi số, sản xuất thông minh là giải pháp tối ưu giúp DN nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm ■

UBND tỉnh vừa ban hành quy định về đảm bảo tỷ lệ chi ngân sách nhà nước hằng năm cho chuyển đổi số giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, giai đoạn 2023 - 2025, tỉnh xác định dành tối thiểu 0,5% tổng chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số. UBND các huyện, thành phố, thị xã đảm bảo tỷ lệ chi tối thiểu hằng năm cho chuyển đổi số là 0,5% tổng chi thường xuyên ngân sách cấp huyện.

BAN HÀNH DANH MỤC CỤ THỂ CÔNG NGHỆ...

tính). 6.Polytetrafluoroethylen (PTFE) và Polyvinylidene fluoride (PVDF). 7.Phụ gia, hóa chất đông tụ, keo tụ nước thải. 8.Các loại khí chuẩn phục vụ cho hệ thống quan trắc môi trường. 9.Chất xúc tác (V_2O_5). 10.Hạt lọc (Filox, Mangan Greensand). 11.Hạt làm mềm nước. 12.Hạt nhựa trao đổi Ion.

*** Thiết bị, sản phẩm phục vụ bảo tồn đa dạng sinh học:** 1.Camera bẫy ảnh hồng ngoại. 2.Máy định vị vệ tinh (GPS/GNSS). 3.Bản đồ chuyên đề về loài, nơi cư trú/môi trường, đa dạng hệ sinh thái. 4.Thiết bị xử lý ảnh. 5.Thiết bị viễn thám (remote sensing); ảnh vệ tinh. 6.Trạm đa dạng sinh học. 7.Vườn ươm. 8.Trung tâm cứu hộ và

(Tiếp theo trang 9)
chăm sóc động vật hoang dã. 9.Thiết bị và vật tư bảo tồn cho các viện bảo tàng, thư viện, phòng trưng bày và kho lưu trữ để bảo quản các sản phẩm đa dạng sinh học.

Ngoài ra, còn có quy định về Danh mục cụ thể của Thiết bị để phá dỡ phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy hết thời hạn sử dụng; Thiết bị, phụ tùng thay thế phục vụ hệ thống xử lý chất thải, trạm trung chuyển và công trình bảo vệ môi trường khác; Thiết bị, sản phẩm phục vụ khắc phục sự cố môi trường; Thiết bị, sản phẩm khác phục vụ yêu cầu bảo vệ môi trường; Công nghệ chế tạo, sản xuất thiết bị, sản phẩm ■

Giải pháp sáng tạo

của Điện lực Quảng Ngãi

PHƯƠNG NGUYỄN



Giải pháp sáng tạo của các kỹ sư đã giúp đảm bảo an toàn lưới điện trên địa bàn tỉnh

Công ty Điện lực Quảng Ngãi có 7 giải pháp đoạt giải tại Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh lần thứ 13 (2022-2023). Đây là những giải pháp có giá trị khoa học, có tính mới, tính sáng tạo, được thử nghiệm và áp dụng có hiệu quả, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty.

Vừa qua, Ban Tổ chức Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh lần thứ 13 (2022-2023) đã ban hành Quyết định phê duyệt kết quả Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh thứ 13 (2022-2023). Trong số 35 giải pháp đạt giải của Hội thi, Công ty Điện lực Quảng Ngãi có 7/9 giải pháp tham gia thuộc lĩnh vực Công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông đạt giải Hội thi, gồm 01 giải

Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba và 03 giải Khuyến khích

Giải Nhất thuộc về là giải pháp “Chương trình cập nhật, tổng hợp số liệu quản lý kỹ thuật - quản lý vận hành cấp điện lực” của nhóm tác giả Nguyễn Thành Minh, Lương Văn Đức, Nguyễn Hữu Thanh, Đỗ Huy Hoàng; Giải Nhì là giải pháp “App kiểm tra định kỳ RC/LBS” của nhóm tác giả Nguyễn Hữu Thanh, Phan Anh Tuấn

và Lương Văn Đức, Đỗ Huy Hoàng.

2 giải Ba là giải pháp “Khai thác dữ liệu SCADA để phục vụ công tác điều hành lưới điện” của nhóm tác giả Phạm Ngọc Huân, Nguyễn Đỗ Ánh Nam, Cao Việt Đạt và giải pháp “Phần mềm Số hóa sổ theo dõi thiết bị, quản lý vận hành đường dây và trạm biến áp” của nhóm tác giả Phan Vũ Đông Quân, Nguyễn Hoàng Tín, Huỳnh Tân Lợi.

3 giải Khuyến khích là giải pháp “Chương trình theo dõi tiền ký cược hợp đồng mua bán điện” của nhóm tác giả Nguyễn Quốc Thanh, Bùi Thị Ngọc Diệp,



Giao diện “Chương trình cập nhật, tổng hợp số liệu quản lý kỹ thuật - quản lý vận hành cấp điện lực” - giải pháp đạt giải Nhất Hội thi.

Huỳnh Tấn Lợi; giải pháp “Thiết bị nhận dạng pha và thứ tự pha trên lưới điện hạ áp phục vụ cân bằng pha TBA công cộng” của nhóm tác giả Lê Xuân Bảo, Phạm Trà, Lê Duy Nhân và giải pháp “Kiểm soát vật tư thiết bị cấp phát đến đơn vị cấp 4” của nhóm tác giả Phạm Ngọc Thanh, Lê Thị Xuân Hòa, Huỳnh Tấn Lợi

Ông Nguyễn Thành Minh, đại diện nhóm tác giả giải pháp “Chương trình cập nhật, tổng hợp số liệu quản lý kỹ thuật - quản lý vận hành cấp điện lực” cho biết: Việc quản lý công việc, số liệu để có nhận định, phân tích trong việc quản lý kỹ thuật - quản lý vận hành lưới điện có ý nghĩa rất quan trọng nhưng lại chưa có chương trình công nghệ thông tin nào hỗ trợ. Vì vậy, nhóm tác giả đã nghiên cứu, đưa vào ứng dụng thực tế tại đơn vị giải pháp Chương

trình cập nhật, tổng hợp số liệu quản lý kỹ thuật - quản lý vận hành cấp điện lực. Giải pháp được chính thức áp dụng vào thực tiễn sản xuất tại Điện lực Sơn Tịnh từ năm 2022 và đang trong giai đoạn triển khai nhân rộng tại các đơn vị cấp 4 (cấp điện lực huyện, thành phố) của Tổng Công ty Điện lực miền Trung. Giải pháp này làm lợi cho Công ty Điện lực Quảng Ngãi trên 2,8 tỷ đồng/năm.

Ông Phan Vũ Đông Quân, Phó Giám đốc Công ty Điện lực Quảng Ngãi cho biết: Công tác sáng kiến, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ chuyển đổi số được xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong sản xuất kinh doanh của Công ty Điện lực Quảng Ngãi và được lãnh đạo tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ công nhân viên phát huy hết khả năng sáng tạo nhằm tạo ra những sáng kiến, giải pháp

mang tính đột phá trong sản xuất. Trong nhiều năm qua, cán bộ công nhân viên của Công ty đã có rất nhiều sáng kiến, giải pháp hữu ích áp dụng vào trong công tác sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao năng suất lao động, an toàn cho người lao động và đảm bảo cung cấp điện. Tham gia Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh, những năm qua Công ty Điện lực Quảng Ngãi luôn tích cực tham gia và có nhiều đề tài đạt giải. Tại Hội thi lần này, các giải pháp của Công ty cũng được Ban tổ chức Hội thi đánh giá cao. Đây là những giải pháp có giá trị khoa học, có tính mới, tính sáng tạo, được thử nghiệm và áp dụng có hiệu quả, không chỉ mang lại hiệu quả thiết thực, nâng cao chất lượng công việc, mà còn đóng góp tích cực vào chuyển đổi số của ngành điện ■

LỢI ÍCH CỦA DOANH NGHIỆP KHI THỰC HIỆN TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

✍ MINH NGUYỄN

Truy xuất nguồn gốc sản phẩm chính là yếu tố cạnh tranh quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của các sản phẩm hàng hóa. Đây là xu thế tất yếu để thúc đẩy minh bạch hóa thông tin sản phẩm lưu thông trên thị trường, tăng cường bảo vệ sức khỏe, quyền lợi của người tiêu dùng. Với tầm quan trọng đó, Quảng Ngãi đặt mục tiêu đến năm 2025, xây dựng Hệ thống truy xuất nguồn gốc cho 100% các sản phẩm đặc thù của địa phương thuộc các lĩnh vực Bộ, ngành quy định để kết nối với Cổng Thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa quốc gia.

Trong bối cảnh người tiêu dùng trong nước ngày càng cần sự minh bạch đối với sản phẩm hàng hóa thì “Truy xuất nguồn gốc” được coi là “chìa khóa” khởi tạo niềm tin cho người tiêu dùng yên tâm sử dụng những sản phẩm nguồn gốc rõ ràng và chất lượng đảm bảo.

Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi có hơn 180 sản phẩm được sản xuất từ nhà máy sữa đậu nành Việt Nam VinaSoy, Đường An Khê, Bia Dung Quất, Nước khoáng Thạch Bích, Bánh kẹo BiscaFun. Để đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như công tác quản lý các sản phẩm khi lưu thông trên thị trường, hệ thống quản lý truy xuất thông tin nguồn gốc sản phẩm của Công ty được triển khai bằng nhiều hình thức thông qua việc áp dụng mã QR Code, mã số mã vạch, các ký mã hiệu và in date sản phẩm, thời gian sản xuất trên bao bì. Thông qua đó, Công ty kiểm soát được nguyên



Truy xuất nguồn gốc sản phẩm giúp cho người tiêu dùng truy xuất, tìm hiểu về thông tin nguồn gốc, xuất xứ của sản phẩm.

liệu đầu vào, thời gian sản xuất và quá trình phân phối của từng sản phẩm. Cùng với đó, việc đa dạng hóa bao bì, mẫu mã, sử dụng một số biện pháp nghiệp vụ chống giả sản phẩm giúp Công ty nhận diện tại thời điểm cần truy xuất thông tin nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm.

Ông Tôn Ngọc Hà, Phòng KCS, Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi cho biết: Hiện nay, hệ thống quản lý truy xuất nguồn gốc của Công ty được áp dụng

cùng với việc triển khai áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001, ISO 22000, FSSC 22000; tích hợp ứng dụng các phần mềm quản trị như SAP (Vinasoy) hay Icheck (tất cả các đơn vị trực thuộc Công ty). Để đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như công tác quản lý các sản phẩm của Công ty khi lưu thông trên thị trường, hệ thống quản lý

Truy xuất thông tin nguồn gốc sản phẩm của Công ty được triển khai bằng nhiều hình thức thông qua việc áp dụng mã QR Code, mã số mã vạch, các ký mã hiệu và in date sản phẩm, thời gian sản xuất trên bao bì. Thông qua đó, sản phẩm được kiểm soát phân phối đến đâu, nhà phân phối nào, sản phẩm được sản xuất vào thời gian nào, trên dây chuyền nào và hoạt động kiểm soát chất lượng, kiểm soát sản xuất trên dây chuyền đó như thế nào, bao gồm cả chất lượng nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất. Ngoài ra, việc đa dạng hóa bao bì, mẫu mã, sử dụng một số biện pháp nghiệp vụ chống giả sản

xứ của sản phẩm đồng thời cũng góp phần vào công tác chống hàng giả hàng nhái đối với các sản phẩm của Công ty chúng tôi, đảm bảo tính cạnh tranh cho các sản phẩm của Công ty.

Nhờ vào tem truy xuất nguồn gốc hàng hóa mà người tiêu dùng có thể nắm rõ được những thông tin cần thiết về sản phẩm trước khi chọn mua. Khi sử dụng tem truy xuất, người tiêu dùng sẽ bảo vệ được quyền lợi, sức khỏe cũng như tài chính của mình. Bởi người tiêu dùng có thể xác thực mọi thông tin về sản phẩm chỉ với một thao tác quét mã QR từ đó người tiêu dùng sẽ mua được sản phẩm chính hãng

đến khách hàng nhiều hơn. Quản lý được sản phẩm của mình và chất lượng sản phẩm một cách tốt hơn. Chia sẻ được dữ liệu thời gian cho các nhà nhập khẩu hoặc đối tác thu mua yên tâm khi lựa chọn sản phẩm. Tem truy xuất nguồn gốc còn mang lại lợi ích đối với nhà nước và xã hội. Bài trừ hàng giả, hàng nhái, bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp và người tiêu dùng. Khi có sự cố phát sinh về vệ sinh an toàn thực phẩm, hàng giả, hàng nhái đơn vị quản lý sẽ dễ dàng hơn trong việc truy xuất đơn vị gây ra sự cố. Hỗ trợ nhà nước, cơ quan chính quyền trong quá trình quản lý những sản phẩm do các doanh nghiệp cung cấp.

Xuất phát từ những lợi ích này, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nhằm giúp cho doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa và bảo đảm chất lượng, tính an toàn cho sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp. Mục tiêu đến năm 2025, xây dựng Hệ thống truy xuất nguồn gốc cho 100% các sản phẩm đặc thù của địa phương thuộc các lĩnh vực theo hướng dẫn của Bộ, ngành chức năng, dựa trên tiêu chuẩn quốc gia, (Xem tiếp trang 23)



Truy xuất nguồn gốc sản phẩm bằng phương pháp quét mã code được in trên bao bì.

phẩm là một trong những yếu tố quan trọng để các sản phẩm của Công ty được dễ dàng nhận diện/nhận biết tại thời điểm cần truy xuất thông tin nguồn gốc xuất

và chất lượng nhất.

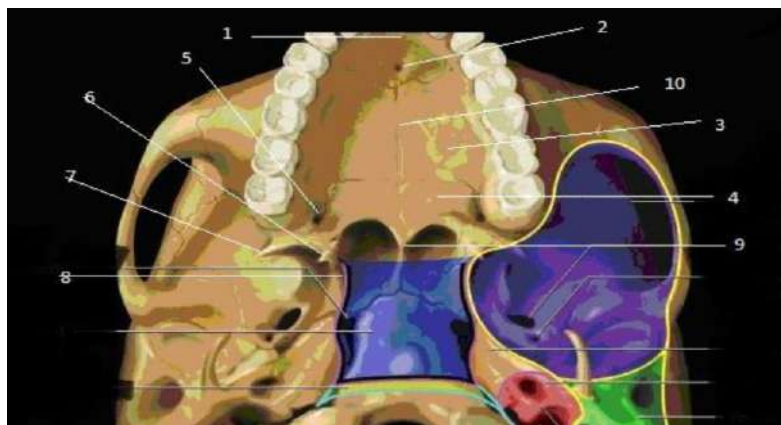
Tem truy xuất nguồn gốc mang tới những lợi ích doanh nghiệp. Đó là gia tăng thương hiệu, giúp doanh nghiệp tạo được niềm tin

ĐÁNH GIÁ ĐIỀU TRỊ KHE HỖ VÒM MIỆNG TẠI BỆNH VIỆN SẢN - NHI TỈNH QUẢNG NGÃI

✍ CẨM NGUYỄN

Khe hở vòm miệng (KHVM) là dị tật bẩm sinh vùng hàm mặt làm tách rời cấu trúc vòm miệng bao gồm xương vòm miệng, khối cơ nâng vòm hầu, cơ căng màn hầu và niêm mạc. Khe hở làm biến dạng môi, mũi, xương hàm, xương ổ răng, rối loạn quá trình mọc răng, sai khớp cắn gây ảnh hưởng đến thẩm mỹ khuôn mặt đồng thời gây khó khăn, rối loạn tâm sinh lý làm trẻ khó hoà nhập xã hội. Trong điều trị KHVM cần có kế hoạch điều trị toàn diện từ lúc trẻ được sinh ra đến khi trưởng thành với sự phối hợp của nhiều chuyên khoa; trong đó phẫu thuật tạo hình đóng kín KHVM là phương pháp cơ bản nhất cần thực hiện trước. Tại Quảng Ngãi, phẫu thuật điều trị KHVM đã được áp dụng nhưng đến nay chưa có đề tài nghiên cứu về điều trị KHVM. Từ thực tế đó, đội ngũ y, bác sĩ Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi nghiên cứu thực hiện đề tài: “Đánh giá điều trị KHVM tại Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi”.

Mục tiêu của đề tài là mô tả đặc điểm lâm sàng của người bệnh KHVM điều trị tại Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh; đánh giá kết quả của phẫu thuật KHVM ở đối tượng



Hình giải phẫu vùng vòm miệng.

nghiên cứu.

Qua phẫu thuật 32 người bệnh KHVM tại Bệnh viện Sản - Nhi cho kết quả nghiên cứu như sau: Về giới, người bệnh KHVM nam chiếm 71,9% nhiều hơn nữ (28,1%), tỷ số nam/nữ = 2,5/1. Về tuổi, người bệnh KHVM từ 12 - 24 tháng tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất 62,5%, thấp nhất từ 25 - 36 tháng chiếm 12,5%; độ tuổi trung bình $32,09 \pm 19,49$ tháng, nhỏ nhất 12 tháng, lớn nhất 96 tháng. Về cân nặng, trong 32 người bệnh KHVM được phẫu thuật có 24 người bệnh có cân nặng dưới 15 kg chiếm 75%, cân nặng trung bình $12,5 \pm 3,8$ kg, nhẹ nhất 10 kg, nặng nhất 25 kg, có một trường hợp suy dinh dưỡng nặng, được nhập viện nuôi dưỡng tích cực trước phẫu thuật một tuần; nhóm 12 - 24 tháng đa số người bệnh có cân nặng dưới 15kg

chiếm tỷ lệ 95%, nhóm 25 - 36 tháng có 50% người bệnh dưới 15 kg, 50% người bệnh từ 15 kg trở lên, nhóm trên 36 tháng người bệnh có cân nặng trên 15kg chiếm phần lớn 62,5%. Lí do vào viện là người bệnh được đưa vào viện phẫu thuật chủ yếu do người nhà lo lắng người bệnh nói ngọng chiếm 56,2% hoặc người bệnh sặc khi ăn uống chiếm 43,8%; không có người bệnh vào viện vì thường xuyên viêm đường hô hấp trên. Nguyên nhân gây dị tật bẩm sinh: không xác định được nguyên nhân chiếm tỷ lệ cao nhất 40,6%; mẹ bị ốm khi mang thai 3 tháng đầu chiếm 34,4%; mẹ nhiễm hóa chất khi mang thai 3 tháng đầu chiếm 9,4%; không ghi nhận ca nào có yếu tố di truyền.

Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng người bệnh KHVM cho thấy: Về tình trạng răng, ✍

☞ có 50% người bệnh không bị sâu răng, 40,6% người bệnh sâu nhiều hơn 2 răng; nhóm 12 - 24 tháng 75% người bệnh không sâu răng, 15% người bệnh sâu nhiều hơn 2 răng, nhóm 25 - 36 tháng 75% người bệnh sâu nhiều hơn 2 răng, 25% người bệnh không sâu răng, nhóm trên 36 tháng 87,5% người bệnh sâu nhiều hơn 2 răng, 12,5% người bệnh sâu 1 - 2 răng. Hình thái khuyết hồng của KHVM là người bệnh có KHVM toàn bộ phải chiếm tỷ lệ cao nhất 40,6%, người bệnh có KHVM toàn bộ 2 bên chiếm tỷ lệ thấp 9,4%, không có người bệnh có KHVM mềm; trong 23 người bệnh nam giới có 47,8% khe hở toàn bộ bên phải chiếm tỷ lệ cao nhất, khe hở toàn bộ bên trái 21,8%, 9 người bệnh KHVM nữ có 66,7% KHVM mềm cứng chiếm tỷ lệ cao nhất, khe hở toàn bộ bên phải chiếm tỷ lệ cao thứ hai 22,2%; KHVM kết hợp khe hở môi (KHM) chiếm tỷ lệ cao 62,5%, tỷ số KHVM kết hợp KHM/KHVM không có KHM = 5/3.

Về chiều rộng của KHVM ở vị trí gai mũi, đa số người bệnh có chiều rộng KHVM tại vị trí gai mũi sau 10 - 20 mm chiếm 84,4 %, chiều rộng KHVM tại vị trí gai mũi sau trung bình $16,1 \pm 3,32$ mm, nhỏ nhất 11mm, lớn nhất 24 mm; nhóm tuổi 12 - 24 tháng có 100% chiều rộng khe hở tại vị trí gai mũi sau từ 10 - 20 mm, nhóm

tuổi từ 25 - 36 tháng có 25% chiều rộng khe hở tại vị trí gai mũi sau dưới 10 mm, 50% từ 10 - 20 mm, 25% trên 20 mm, nhóm tuổi trên 36 tháng có 62,5% chiều rộng khe hở tại vị trí gai mũi sau 10 - 20 mm, 37,5% trên 20 mm, không có trường hợp dưới 10 mm. Chiều dài vòm miệng mềm lạ đa số người bệnh có chiều dài vòm miệng mềm trước mỡ dài từ 20 - 25 mm chiếm 75% với phần lớn người bệnh 12 - 24 tháng chiếm 53,1%, trong nhóm 12 - 24 tháng 85% có chiều dài vòm miệng mềm trước mỡ 20 - 25 mm, 15% chiều dài dưới 20 mm, trong nhóm 25 - 36 tháng 50% có chiều dài vòm miệng mềm trước phẫu thuật 20 - 25 mm, 25% dưới 20 mm, 25% trên 25 mm, trong nhóm trên 36 tháng 62,5% có chiều dài vòm miệng mềm trước phẫu thuật 20 - 25 mm, 37,5% trên 25 mm; trước mỡ chiều dài vòm miệng mềm nhỏ nhất 14 mm, lớn nhất 29 mm, sau mỡ chiều dài vòm miệng mềm nhỏ nhất 20mm, lớn nhất 35 mm, chiều dài vòm miệng mềm trung bình trước mỡ $20,84 \pm 3,44$ mm, sau mỡ $29,13 \pm 3,24$ mm, tăng 39,78%, sự thay đổi chiều dài vòm miệng mềm trước và sau mỡ có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$). Thời gian phẫu thuật là 81,2% ca phẫu thuật trong thời gian 80 - 90 phút chiếm tỷ lệ cao nhất; thời gian mỡ trung bình $85,47 \pm 8,17$ phút, ngắn nhất

60 phút, dài nhất 100 phút.

Kết quả sau phẫu thuật qua theo dõi lâm sàng sau mổ là trong 32 người bệnh có 5 trường hợp sốt sau mổ chiếm tỷ lệ cao nhất 15,6%, chảy máu vết mổ chiếm 6,2%, có 01 người bệnh bục chỉ vết mổ chiếm 3,1%, không có người bệnh nhiễm trùng vết mổ. Tình trạng vết mổ khi ra viện là 96,9% người bệnh phẫu thuật kết quả tốt; 3,1% người bệnh phẫu thuật kết quả kém (bục chỉ vết mổ), trường hợp này có chiều rộng khe hở ở vị trí gai mũi sau thuộc nhóm 15 - 20 mm. Kết quả tái khám sau ra viện một tuần là tái khám sau ra viện một tuần 90,6% người bệnh có vết mổ lành thương tốt, 9,4% (3/32) vết mổ kém (bị bục vết mổ); người bệnh có chiều rộng khe hở ở vị trí gai mũi sau dưới 10 mm và trên 20 mm kết quả phẫu thuật đều tốt, trong 27 người bệnh có chiều rộng khe hở ở vị trí gai mũi sau từ 10 - 20 mm, vết mổ tốt chiếm 88,9%, 3 trường hợp vết mổ kém chiếm 11,1%. Kết quả tái khám sau phẫu thuật hai tháng là sau hai tháng phẫu thuật 90,6% vết mổ tốt; 9,4% vết mổ kém có lỗ thông mũi miệng.

Qua kết quả nghiên cứu của đề tài đã cho thấy hiệu quả điều trị KHVM và giúp người bệnh trong tình hạn chế đi khám ở tuyến trên, tiết kiệm chi phí khám chữa bệnh ■

NGHIÊN CỨU TÌNH TRẠNG DINH DƯỠNG VÀ THỰC TRẠNG NUÔI DƯỠNG NGƯỜI BỆNH PHẪU THUẬT ĐƯỜNG TIÊU HÓA TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NGÃI

✍ PHƯƠNG UYÊN

Dinh dưỡng có vai trò vô cùng quan trọng với người bệnh. Suy dinh dưỡng làm gia tăng các biến chứng sau phẫu thuật, kéo dài thời gian nằm viện và tăng chi phí điều trị. Vì vậy, hỗ trợ dinh dưỡng trước phẫu thuật trong phẫu thuật đường tiêu hóa làm giảm tỉ lệ nhiễm trùng vết mổ, thời gian nằm viện và chi phí điều trị. Để nâng cao chất lượng chăm sóc điều trị người bệnh phẫu thuật trong đó có người bệnh phẫu thuật đường tiêu hóa và hạn chế các biến chứng, giảm chi phí y tế cũng như thời gian nằm viện cho người bệnh liên quan đến dinh dưỡng, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi tiến hành nghiên cứu đề tài: “Nghiên cứu tình trạng dinh dưỡng và thực trạng nuôi dưỡng người bệnh phẫu thuật đường tiêu hóa tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi” với mục tiêu nhằm đánh giá sự thay đổi dinh dưỡng người bệnh theo BMI, Albumin, tỉ lệ phần trăm mỡ cơ thể trước và sau phẫu thuật đường tiêu hóa 7 ngày tại khoa Ngoại Tiêu hóa, Bệnh viện Đa khoa tỉnh; mô tả thực trạng



Cân Tanita BC 601 sẽ cho người bệnh biết được % mỡ trong cơ thể (Nguồn: Bệnh viện tỉnh Quảng Ngãi).

nuôi dưỡng người bệnh trong 7 ngày sau phẫu thuật đường tiêu hóa ở đối tượng nghiên cứu.

Qua thu thập thông tin của 120 người bệnh phẫu thuật đường tiêu hóa tại khoa Ngoại Tiêu hóa, kết quả nghiên cứu về đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu là giới tính nam 60,8% cao hơn nữ 39,2%; trình độ văn hóa chiếm phần lớn là tiểu học 50%; nghề nghiệp, ngoài nhóm hưu trí hoặc già

thì nhóm nghề nghiệp nông dân chiếm tỉ lệ 40,8% cao hơn các nhóm nghề khác. Người bệnh trong nhóm tuổi lớn hơn 60 tuổi chiếm tỉ lệ nhiều nhất 61,7%; tiếp theo là nhóm 40 - 59 tuổi chiếm 27,5%; ít nhất là nhóm tuổi 18 - 39 tuổi chiếm 10,8%. Vị trí phẫu thuật đại tràng chiếm tỉ lệ nhiều nhất 33,3%.

Nghiên cứu về tình trạng dinh dưỡng người bệnh trước và sau phẫu thuật cho thấy cân nặng sau phẫu

✎ thuật giảm hơn trước phẫu thuật khoảng 1kg, BMI và tỉ lệ phần trăm mỡ cơ thể sau phẫu thuật giảm hơn so với trước phẫu thuật; tuổi trung bình của người bệnh 64,7. Tỉ lệ thiếu năng lượng trường diễn sau phẫu thuật (BMI <18,5) 28,3%, nhiều hơn trước phẫu thuật 23,3%. Sau phẫu thuật tình trạng người bệnh suy dinh dưỡng theo Albumin (Albumin <35g/l) 44,2%, cao hơn so với trước phẫu thuật 26,7%. Tỉ lệ người bệnh trước phẫu thuật suy dinh dưỡng theo phần trăm mỡ cơ thể 49,1%, sau phẫu thuật tỉ lệ này tăng lên 52,5%; tỉ lệ thừa cân trước phẫu thuật 6,7%, sau phẫu thuật tỉ lệ này giảm xuống 4,2%; không có người bệnh nào béo phì.

Nghiên cứu tình trạng dinh dưỡng của người bệnh trước phẫu thuật theo BMI, Albumin và các đặc điểm chung cho thấy tỉ lệ thiếu năng lượng trường diễn trước phẫu thuật 23,3%; không khác nhau về tỉ lệ thiếu năng lượng trường diễn trước phẫu thuật ở cả hai giới $p > 0,05$. Ở các nhóm tuổi và trình độ văn hóa khác nhau thì tỉ lệ thiếu năng lượng trường diễn không khác nhau $p > 0,05$; ở các nhóm nghề nghiệp khác nhau thì tỉ lệ thiếu năng lượng trường diễn khác nhau $p < 0,05$. Tỉ lệ thiếu năng lượng trường diễn ở các vị trí phẫu thuật như dạ dày, ruột non, đại

tràng, trực tràng không khác nhau $p > 0,05$. Tỉ lệ suy dinh dưỡng theo Albumin trước phẫu thuật 26,7%; không khác nhau về tỉ lệ suy dinh dưỡng theo Albumin trước phẫu thuật ở cả hai giới $p > 0,05$. Tình trạng suy dinh dưỡng theo Albumin ở các vị trí phẫu thuật như dạ dày, ruột non, đại tràng, trực tràng không khác nhau $P > 0,05$.

Tình trạng cân nặng của người bệnh sau phẫu thuật 7 ngày là không giảm cân sau phẫu thuật 18,4%; giảm cân sau phẫu thuật chiếm 81,6%, đa số người bệnh giảm cân nặng trên 2 - 5% chiếm 47,4%, tỉ lệ giảm cân nam và nữ lần lượt là 51,6%, 30%. Trên từng loại phẫu thuật, trong nhóm không giảm cân người bệnh phẫu thuật đại tràng chiếm tỉ lệ nhiều nhất, tiếp theo trong nhóm giảm cân <1kg người bệnh phẫu thuật trực tràng giảm cân nhiều chiếm ưu thế, kế đến là nhóm giảm cân 1kg đến 2kg người bệnh phẫu thuật ruột non chiếm đa số, cuối cùng là nhóm giảm cân từ 2kg đến 3kg người bệnh phẫu thuật dạ dày chiếm tỉ lệ nhiều hơn; không có người bệnh phẫu thuật giảm ≥ 3 kg. Cân nặng giảm nhiều nhất ở nhóm phẫu thuật ruột non và dạ dày, ít hơn ở phẫu thuật đại tràng và trực tràng, khác nhau có ý nghĩa $P < 0,05$; giảm cân trung bình sau phẫu thuật $1,1 \pm 0,8$ kg.

Thực trạng nuôi dưỡng người bệnh phẫu thuật đường tiêu hóa 7 ngày sau phẫu thuật là tất cả người bệnh đều được nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch trong ngày đầu, trong đó nuôi dưỡng đường tĩnh mạch hoàn toàn trong 7 ngày chiếm 2,5%; nuôi ăn đường tiêu hóa bắt đầu từ ngày thứ 2, sau đó tăng dần; nuôi ăn đường tiêu hóa hoàn toàn vào ngày thứ 7 chiếm 33,3%. Thời gian bắt đầu nuôi ăn đường tĩnh mạch là ngày đầu tiên, thời gian trung bình nuôi bằng đường tĩnh mạch 6,3 ngày; thời gian bắt đầu nuôi ăn bằng đường tiêu hóa là ngày thứ 4,5; cho ăn đường tiêu hóa sớm nhất là ngày thứ 2; thời gian nuôi ăn đường bằng đường tiêu hóa trung bình 3,6 ngày, số ngày nuôi ăn đường tiêu hóa nhiều nhất 6 ngày. Thời gian bắt đầu nuôi dưỡng qua đường tiêu hóa đối với các loại phẫu thuật không khác nhau $P > 0,05$. Thời gian trung bình nuôi dưỡng qua đường tiêu hóa đối với các loại phẫu thuật không khác nhau $P > 0,05$.

Về năng lượng nuôi dưỡng người bệnh theo tổng các đường nuôi ngày thứ nhất sau phẫu thuật 533,8 Kcal, Protein 1,9g, Lipid 4,4g, Glucid 121,6g tăng dần đến ngày thứ 3, sau đó giảm nhẹ và tăng dần đến ngày thứ 6. Ngày đầu tiên người bệnh được nuôi dưỡng hoàn toàn bằng đường tĩnh mạch hoàn

toàn với mức năng lượng 533,8Kcal; ngày thứ 2 người bệnh bắt đầu được nuôi ăn đường tiêu hóa, 98,5% năng lượng vẫn do đường tĩnh mạch cung cấp; tới ngày thứ 6,7 năng lượng đường tiêu hóa và đường tĩnh mạch gần tương đương nhau. Ngày đầu tiên thành phần protein trong nuôi dưỡng hoàn toàn từ đường tĩnh mạch; ngày thứ 2 protein bắt đầu được cung cấp từ đường tiêu hóa và tăng dần qua các ngày từ 3,8% đến 86,2%. Năng lượng thực tế ngày thứ nhất 10,6 kcal/kg/ngày, năng lượng tăng dần đến ngày thứ 3 sau đó giảm nhẹ và tăng lên cao nhất vào ngày thứ 6 21 kcal/kg/ngày; Protein tăng dần từ ngày thứ nhất đến ngày thứ 7, tăng từ 0,04 đến 0,6; tất cả các ngày đều không đạt so với nhu cầu khuyến nghị. Trong ngày đầu nuôi dưỡng, năng lượng được cung cấp cho người bệnh hoàn toàn bằng đường tĩnh mạch; từ ngày thứ hai trở đi có thêm nguồn năng lượng từ đường tiêu hóa nhưng số lượng không đáng kể; tổng năng lượng cung cấp thay đổi mỗi ngày, tăng dần lên đến ngày thứ 3 sau đó giảm nhẹ đến ngày thứ 6 thì đạt mức cao nhất 1050,1kcal. Trong 2 ngày đầu nuôi dưỡng không có người bệnh nào đạt 100% nhu cầu khuyến nghị về năng lượng và protein của Bộ Y tế, một tỉ lệ nhỏ người bệnh đạt 75% nhu cầu khuyến nghị; tỉ lệ này tăng lên các ngày sau đó, tuy nhiên vẫn ở mức thấp.

Kết quả nghiên cứu của đề tài cho thấy tầm quan trọng trong nuôi dưỡng người bệnh trước phẫu thuật giúp người bệnh được đảm bảo đầy đủ về dinh dưỡng, qua đó tăng cao hiệu quả phẫu thuật cho người bệnh cũng như nuôi dưỡng sớm người bệnh để tăng hiệu quả hồi phục sau phẫu thuật ■

LỢI ÍCH CỦA DOANH NGHIỆP...

(Tiếp theo trang 18)

quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được ban hành để kết nối với Cổng Thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa quốc gia. Đến năm 2030, thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa cho tất cả các nhóm sản phẩm hàng hóa địa phương bắt buộc truy xuất nguồn gốc, nhóm sản phẩm ưu tiên truy xuất nguồn gốc theo hướng dẫn của Bộ, ngành chức năng.

Ông Trần Công Hòa, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ cho biết: Trong bối cảnh kinh tế hội nhập ngày càng phát triển, doanh nghiệp Việt đang đứng trước những thử thách và trở ngại rất lớn khi tiếp cận thị trường tiêu dùng trong và ngoài nước bởi sự xuất hiện của sản phẩm không rõ nguồn gốc, xuất xứ. Thời gian vừa qua, các bộ ngành tập trung công tác tuyên truyền là chính. Sở KH&CN đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và đào tạo về truy xuất nguồn gốc. Hàng năm, biên tập nhiều bài viết về mã số mã vạch và truy xuất nguồn gốc trên Bản tin TBT, trên Trang thông tin điện tử của Sở KH&CN; đã tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn cho gần 200 doanh nghiệp và các cơ quan liên quan trên địa bàn tỉnh. Thời gian đến, khi các quy định về TXNG được ban hành, tạo hành lang pháp lý để tổ chức triển khai TXNG tại địa phương, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, HTX: xây dựng cơ sở dữ liệu về TXNG; tham gia vào Cổng thông tin TXNG sản phẩm, hàng hóa Quốc gia; chứng nhận hệ thống TXNG phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế...

Truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa là xu hướng tất yếu để người tiêu dùng đến doanh nghiệp nhận diện được giá trị sản phẩm. Truy xuất nguồn gốc còn là giải pháp tối ưu, mang lại lợi ích to lớn cho tất cả các bên nhận diện được giá trị tham gia vào chuỗi cung ứng, qua đó nâng cao uy tín của các sản phẩm trên thị trường ■

MÔ HÌNH SẢN XUẤT LẠC VIETGAP

✍ ANH KHUÊ

Nhằm góp phần nâng cao được nhận thức và năng lực của người dân trong sản xuất và sử dụng sản phẩm an toàn, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế đã triển khai mô hình sản xuất lạc thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP tại HTX NN Tịnh Thọ và đã đem lại kết quả bước đầu, góp phần tăng năng suất, chất lượng và giá trị thương phẩm.

Mô hình được triển khai ở vụ Hè Thu năm 2023 tại HTX NN Tịnh Thọ, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi trên diện tích 01 ha, với 10 hộ tham gia. Giống lạc được đưa vào trồng là giống TB25 do Công ty Thái Bình Seed cung cấp. Biện pháp áp dụng theo tiêu chuẩn VietGAP theo TCVN 11892-1:2017 của Cục Trồng trọt. Đất trồng lạc có thể trồng trên chân đất cát pha đến thịt nhẹ. Làm luống rộng 1,2 – 1,5 m, rãnh rộng 20 – 30 cm. Lượng hạt giống vỏ là 180 – 200 kg/ha. Lượng phân bón cho 1 ha: 10 tấn phân chuồng + 30 kg N + 60 kg P_2O_5 + 60 kg K_2O + 500 kg vôi. Cách bón: Bón lót: 50% vôi khi cày vỡ, 100% phân chuồng + 100% phân lân + 50% đạm + 50% kali ở lần làm đất cuối cùng trước khi gieo; Thúc lần 1 (khi lạc 3 – 4 lá): Bón 50% đạm + 50% kali; Thúc lần 2 (khi lạc ra hoa rộ): 50% vôi. Để phòng chống bệnh hại, có thể trồng lạc luân canh với các loại cây trồng khác (lúa, bắp...); sử dụng phân



Mô hình sản xuất đậu phụng thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP vụ Hè Thu năm 2023 tại HTX NN Tịnh Thọ, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

hữu cơ, bón phân cân đối. Xử lý hạt trước khi gieo. Trộn hạt giống với các loại thuốc như Hexaconazole liều lượng 100 ml/30 kg giống hòa với nước và tưới đều lên hạt lạc giống trước khi đem gieo khoảng 1 – 2 giờ. Khi cây được 20 – 40 ngày tuổi, phun các loại thuốc Chitosan, Metalaxyl: 1,5 kg/ha + KNO_3 : 1 kg/ha, Mancozeb: 1,5 kg/ha + Multi-K. Mô hình sản xuất lạc thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP đảm bảo thời gian cách ly trước khi

thu hoạch theo đúng quy trình kỹ thuật. Xử lý tồn dư sản phẩm, phế phụ phẩm sau thu hoạch hợp lý, nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường. Dây lạc được thu gom, sử dụng các chế phẩm sinh học để xử lý thành phân bón... Trong quá trình thực hiện mô hình, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế phối hợp với cán bộ kỹ thuật của Trung Tâm Khảo kiểm nghiệm Giống, Sản phẩm Cây Trồng miền Trung theo dõi, hướng dẫn cho các hộ tham gia mô hình về quy trình sản xuất

rau an toàn; tập huấn kỹ thuật, chia sẻ kiến thức sử dụng bảo vệ thực vật, cập nhật danh mục các hoạt chất bị cấm trong sản xuất rau; kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất và trước thu hoạch.

Qua kết quả thu hoạch, ruộng mô hình cho năng suất lạc dự kiến là 3,7 tấn/

Ông Đinh Văn Tiên, xóm 3, thôn Thọ Tây, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, hộ dân tham gia mô hình cho biết: Sản xuất lạc thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP theo hướng dẫn của Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế không có gì quá khó. Đối với thuốc trừ bệnh, chủ yếu sử dụng thuốc có nguồn gốc sinh học, hạn chế tối

sử dụng sản phẩm an toàn. Canh tác theo quy trình sản xuất mới, nông dân chúng tôi được hưởng nhiều lợi ích. Ngoài việc giảm lượng thuốc trừ sâu, sức khỏe ít bị ảnh hưởng thì giá trị kinh tế mang lại cũng cao hơn trước nhờ năng suất tăng lên, chi phí sản xuất giảm.

Việc triển khai sản xuất lạc theo quy trình VietGAP đã giảm việc sử dụng thuốc BVTV xuống còn 30-35%, các hộ nông dân thực hiện đúng theo quy trình đã hướng dẫn. So với ruộng đối chứng, ruộng trồng VietGAP đem lại hiệu quả cao hơn, bà con nâng cao nhận thức trong việc sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật. Bên cạnh đó, điều quan trọng nhất mà mô hình mang lại là tập thói quen cho bà con ghi chép sổ sách công việc hàng ngày trong quá trình sản xuất. Đây cũng là cơ sở để truy nguyên nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm, để khi đưa ra thị trường sản phẩm được chấp nhận với giá trị thương phẩm cao hơn, Ông Đỗ Minh Trang, Giám đốc HTX dịch vụ Nông nghiệp Tịnh Thọ cho biết.

Qua thực hiện mô hình đã góp phần thay đổi nhận thức cũng như tập quán canh tác lạc của người dân; thúc đẩy việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất để nâng cao năng suất, sản lượng lạc trong những năm tới ■



Người dân tham gia mô hình thu hoạch lạc vụ Hè Thu.



Cây lạc trong vụ Hè Thu cho năng suất cao.

ha, cao hơn so với ruộng đối chứng khoảng 30% (năng suất ruộng đối chứng đạt 2,2 tấn/ha). Với giá bán 30 nghìn đồng/kg, mô hình cho thu nhập thu nhập 111 triệu đồng/ha.

đa thuốc hoá học. Đặc biệt, không được sử dụng thuốc có hoạt chất cấm. Mặc dù, ban đầu khi áp dụng theo quy trình này, bà con còn ngỡ ngàng nếu được duy trì sẽ thay thói quen sản xuất và

LIÊN KẾT SẢN XUẤT HẠT LÚA GIỐNG NGUYÊN CHỦNG QNG6, QNG128

✍ ANH KHUÊ

Mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ giống lúa nguyên chủng QNg6 và QNg128 triển khai tại các HTX NN Phở Văn, HTX NN Phở Thuận, thị xã Đức Phổ với qui mô sản xuất 12 ha, có 61 hộ tham gia. Trung tâm Giống phối hợp với các HTX Nông nghiệp tham gia thực hiện mô hình sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng để tiến hành chọn điểm, chọn vùng đạt yêu cầu là vùng đại diện cho sản xuất 2 vụ lúa/năm, chủ động về điều kiện thủy lợi, giao thông để xây dựng mô hình; tiến hành chọn hộ, hợp dân triển khai, thảo luận để thống nhất triển khai mô hình. Quy trình kỹ thuật áp dụng theo qui trình kỹ thuật sản xuất hạt giống lúa thuần (10TCN 395 - 2006) do Bộ NN&PTNT ban hành. Mật độ gieo sạ từ 80-90 kg giống /ha (tùy giống và chân đất). Ruộng giống được kiểm định theo quy định, do Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng miền Trung phối hợp thực hiện.

Kết quả qua 2 vụ sản xuất (Đông Xuân 2022-2023 và vụ Hè Thu 2023)

Qua 2 vụ sản xuất, Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi đã xây dựng thành công mô hình liên kết sản xuất hạt giống lúa nguyên chủng QNg6, QNg128 góp phần nâng cao giá trị sản xuất, tăng thu nhập cho người trồng lúa tại Quảng Ngãi; xây dựng được chuỗi liên kết bền vững trong sản xuất và tiêu thụ hạt giống.



Mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ hạt lúa giống cấp nguyên chủng tại HTX NN Phở Thuận, thị xã Đức Phổ.

cho thấy, năng suất của giống lúa QNg6 đạt từ 70 - 73,2 tạ/ha; giống QNg128 từ 65 - 68 tạ/ha. Sau khi trừ chi phí, nông dân tham gia mô hình có thu nhập từ 54 - 58,5 triệu đồng/ha, cao hơn so với ruộng ngoài mô hình trên 6 triệu đồng/ha.

Ông Trần Văn Tươi, tổ 5, xã Phở Thuận, hộ dân tham gia mô hình cho biết: Qua 2 vụ liên kết sản xuất giống QNg128, tôi thấy đây là

giống lúa có nhiều ưu điểm hơn các giống lúa hiện có tại địa phương như chống chịu được sâu bệnh khá tốt, cứng cây có khả năng chống đổ ngã, chịu lạnh, chịu nóng tốt và cho năng suất khá cao, đạt từ 3-3,5 tạ/sào. Tham gia mô hình, các hộ dân còn được tập huấn kỹ thuật sản xuất giống lúa chất lượng cao, ngắn ngày. Đến khi thu hoạch, toàn bộ

(Xem tiếp trang 32)

35 giải pháp đạt giải tại Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 13 (2022-2023)

✍ PHƯƠNG NGUYỄN

Thực hiện Kế hoạch số 90/KH-BTC ngày 07/3/2023 của Ban Tổ chức Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh về việc tổ chức, triển khai Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh lần thứ 13 (2022-2023) năm 2023; Ban Tổ chức Hội thi đã ban hành Quy định về đánh giá, xét giải thưởng Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh lần thứ 13 (2022-2023) và xét chọn giải pháp tham dự Hội thi toàn quốc lần thứ 17 (2022-2023); thành lập Hội đồng Giám khảo Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 13 (2022-2023), theo đó, Hội đồng Giám khảo gồm Thường trực Hội đồng và 04 Hội đồng Giám khảo lĩnh vực: Công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông; Cơ khí tự động hóa, xây dựng và giao thông vận tải; Vật liệu, hóa chất, năng lượng và Giáo dục và Đào tạo. Đối với lĩnh vực Nông lâm, ngư nghiệp, tài nguyên và môi trường (01 giải pháp dự thi), Thường trực Ban Tổ chức thực hiện mời chuyên gia phân tích, đánh giá khảo nghiệm.

Kết thúc thời gian nhận hồ sơ (ngày 31/7/2023), Thường trực Ban tổ chức Hội thi, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật đã nhận được 41 giải pháp tham gia dự thi ở 5 lĩnh vực: Công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông 18 giải pháp; Cơ khí tự động hóa, xây dựng và giao thông vận tải 12 giải pháp; Vật liệu, hóa



Hội đồng giám khảo đánh giá chất lượng các giải pháp tham gia Hội thi.

chất, năng lượng 6 giải pháp; Giáo dục và Đào tạo 4 giải pháp; Nông lâm, ngư nghiệp, tài nguyên và môi trường 01 giải pháp.

Các Hội đồng Giám khảo lĩnh vực đã đánh giá, chấm điểm và đề nghị 33/40 giải pháp đạt giải và các chuyên gia đã có báo cáo phân tích, đánh giá khảo nghiệm 01/01 giải pháp đạt giải thưởng.

Tại cuộc họp đánh giá chung khảo, trên cơ sở báo cáo thuyết minh của các giải pháp dự thi; kết quả đánh giá, đề nghị giải thưởng của các Hội đồng Giám khảo lĩnh vực, báo cáo phân tích, đánh giá khảo nghiệm của các chuyên gia và căn cứ Thẻ lệ Hội thi, các quy định về tiêu chí, thang điểm và cách thức đánh giá giải pháp dự thi, các thành viên Thường trực Hội đồng Giám khảo đã phân tích đánh giá, so sánh một cách

hợp lý, khoa học, khách quan và thống nhất 35 giải thưởng đạt giải.

Ngày 12/9/2023, Ban Tổ chức Hội thi đã ban hành Quyết định số 326/QĐ-BTC về việc phê duyệt kết quả Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh lần thứ 13 (2022-2023) gồm 03 giải Nhất, 06 giải Nhì, 12 giải Ba và 14 giải Khuyến khích.

Các giải pháp đạt giải được nhận tiền thưởng với mức như sau: Giải Nhất: 35.000.000 đồng/giải; Giải Nhì: 28.000.000 đồng/giải; Giải Ba: 21.000.000 đồng/giải; Giải Khuyến khích: 7.000.000 đồng/giải.

Các giải pháp được xét chọn dự thi Hội thi Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc lần thứ 17 (2022-2023) gồm 21 giải pháp gồm 03 giải pháp đạt giải Nhất, 06 giải pháp đạt giải Nhì và 12 giải pháp đạt giải Ba ■

5 LỢI ÍCH CHO DOANH NGHIỆP KHI ÁP DỤNG ISO 9001:2015

✍ DUNG NGUYỄN

ISO 9001:2015 là tiêu chuẩn quốc tế về Hệ thống quản lý Chất lượng do Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) ban hành, được chấp nhận và có giá trị trên phạm vi toàn cầu. Việc áp dụng và được chứng nhận theo ISO 9001:2015 đối với một doanh nghiệp đảm bảo đơn vị đó có Hệ thống quản lý tốt về Chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Khi các tiêu chuẩn này được đặt ra đã mang đến một khuôn khổ mới nhằm giúp các doanh nghiệp tiến hành xây dựng và điều chỉnh hệ thống quản lý sao cho hiệu quả, chuyên nghiệp nhất.

Doanh nghiệp áp dụng chứng nhận ISO 9001:2015 vào mô hình hệ thống quản lý của mình sẽ đem lại một số lợi ích như sau:

Tạo dựng niềm tin với khách hàng và các đối tác

Khi doanh nghiệp nhận được chứng chỉ ISO 9001:2015 tức hệ thống quản lý của doanh nghiệp đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quốc tế. Có thể nói, đây là một minh chứng cụ thể dành cho khách hàng và các đối tác, xây dựng niềm tin nơi họ, cam kết về chất lượng các sản phẩm/ dịch vụ được cung cấp đạt chất



lượng, đáp ứng các yêu cầu đề ra.

Tạo lợi thế cạnh tranh cao cùng các đối thủ lớn

Tạo cơ hội cạnh tranh so với các đối thủ trong ngành từ việc xây dựng hình ảnh thương hiệu và chất lượng của các sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa mà doanh nghiệp hiện đang cung cấp trên thị trường.

Ngoài ra, chứng chỉ ISO 9001:2015 còn mở ra những cơ hội hợp tác cùng nhiều đối tác lớn trên thị trường quốc tế, đáp ứng được các nhu cầu được đề ra khi hợp tác hoặc nhận thầu từ nhiều doanh nghiệp lớn, tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty và còn góp phần mở rộng quy mô hoạt động của đơn vị.

Nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Khi hệ thống quản lý được xây dựng và áp dụng một cách khoa học và được giám sát chặt chẽ, tuân thủ nghiêm ngặt theo các tiêu chuẩn thì chất lượng sản phẩm cũng ngày càng được nâng cao. Bởi lẽ quy trình sản xuất từ chất liệu đầu vào, công nghệ thực hiện, quy trình đóng gói đến đầu ra sản phẩm đều được thực hiện nghiêm túc và hiệu quả.

Không chỉ thế, khi chất lượng của sản phẩm hoặc dịch vụ được cải thiện sẽ thu hút một nguồn khách hàng tiềm năng mới, từ đó nâng cao tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

Xây dựng môi trường làm việc hiệu quả

Khi tiêu chuẩn ISO 9001:2015 được áp dụng vào hệ thống quản lý của doanh nghiệp, nhân viên sẽ

được đào tạo một cách bài bản. Từ đó xây dựng nhận thức và trách nhiệm của từng người. Khi ấy họ sẽ biết được chính xác các công việc mình cần làm, xác định được quyền hạn và phạm vi trách nhiệm của mình để thực hiện nghiêm túc và hiệu quả hơn.

Chính điều này sẽ tạo ra một dây chuyền sản xuất được chuyên môn hóa, giảm thiểu sức lao động nhưng vẫn đảm bảo chất lượng của công việc, tối thiểu hóa những sai sót có thể xảy ra và sự hỏng hóc của sản phẩm.

Kiểm soát và quản lý được các rủi ro

Vấn đề nhận thức rõ về các rủi ro và cơ hội đối với doanh nghiệp rất được chú trọng trong tiêu chuẩn ISO 9001, chính xác hơn thì đây là một yêu cầu mà bắt buộc doanh nghiệp phải thực hiện.

Do đó các đơn vị sẽ có khả năng nhận thức cũng như đề ra những biện pháp giải quyết hiệu quả, tối thiểu hóa tác động của rủi ro đối với doanh nghiệp, từ đó có chiến lược phát triển mới phù hợp hơn■

KPI - CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC

✍ NGỌC NGUYỄN

KPI (Key Performance Indicator) là chỉ số đánh giá thực hiện công việc. Việc áp dụng KPI giúp các doanh nghiệp kiểm soát tốt mục tiêu chiến lược và quá trình hoạt động thông qua hệ thống đo lường và đánh giá hiệu quả công việc, từ đó giúp các doanh nghiệp nâng cao được chất lượng sản phẩm, giảm thiểu các chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Chỉ số KPI có một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy doanh nghiệp đạt được mục tiêu đã đề ra. Chỉ số KPI là công cụ triển khai và đo lường hiệu quả thực hiện các chiến lược. KPI giúp nhà điều hành luôn được cập nhật tình trạng của doanh nghiệp. Chỉ số KPI đo lường hiệu suất của doanh nghiệp, bộ phận và cá nhân so với mục tiêu đề ra.

Chỉ số KPI hỗ trợ cấp quản lý đưa ra chế độ lương thưởng theo kết quả hợp lý. Nhờ vậy, có thể tạo động lực cho nhân viên làm việc tốt hơn. Chỉ số KPI giúp nhân viên có cái nhìn tổng thể về mục tiêu công việc. Hiểu rõ các công việc quan trọng, ưu tiên làm trước để đạt mục tiêu. Chỉ số KPI định hình và phát triển chiến lược của doanh nghiệp theo mục tiêu sâu sát của từng cá nhân. KPI là một công cụ hiện đại giúp cho

các nhà quản lý triển khai chiến lược lãnh đạo thành các mục tiêu quản lý và chương trình hành động cụ thể cho từng bộ phận, từng lĩnh vực (về nhân sự: về tuyển dụng, về đào tạo, về năng suất của nguồn nhân lực, về an toàn lao động, về giờ làm việc, về lương, về đánh giá công việc, về hoạt động cải tiến, về lòng trung thành...; về tài chính, về sản xuất chất lượng, về quảng cáo...) và từng cá nhân. Do đó, KPI áp dụng cho nhiều mục đích: quản lý hệ thống công việc của một tổ chức, tự quản lý công việc của nhóm, của cá nhân. Hay nói cách khác, KPI chính là mục tiêu công việc mà tổ chức, phòng ban, tổ nhóm hay cá nhân cần đạt được để đáp ứng yêu cầu chung.

Thông thường mỗi chức danh sẽ có bản mô tả công việc hoặc kế hoạch làm việc hàng tháng. Nhà quản lý sẽ áp dụng các chỉ số để đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của vị trí công tác, chức danh đó. Dựa trên việc hoàn thành KPI, tổ chức (công ty, cơ quan, phòng ban) sẽ có các chế độ thưởng phạt cho từng cá nhân. KPI cho thấy được hiệu quả hoạt động về kinh doanh của một doanh nghiệp, tổ chức cũng như để đánh giá xem người thực thi công việc đó có đạt được mục tiêu hay không.

Mục đích của việc sử dụng chỉ số KPI✍

☞ trong đánh giá thực hiện công việc là nhằm đảm bảo cho người lao động thực hiện đúng các trách nhiệm trong bảng mô tả công việc của từng vị trí chức danh cụ thể, điều này góp phần cho việc đánh giá thực hiện công việc trở nên minh bạch, rõ ràng, cụ thể, công bằng và hiệu quả hơn, nâng cao hiệu quả của đánh giá thực hiện công việc bởi vì các chỉ số KPI mang tính định lượng cao, có thể đo lường cụ thể.

Chỉ số hoạt động chính (KPI) sẽ giúp giám sát và theo dõi thực thi chiến lược kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp. KPI cần đảm bảo phản ánh được về các yếu tố thành công trọng yếu của tổ chức, doanh nghiệp. KPI có thể là: tỷ lệ khuyết tật sản phẩm, % khách hàng nhận được trả lời đúng hạn, tỷ lệ khách hàng được thỏa mãn, phần trăm doanh thu do các khách hàng cũ mang lại, tỷ lệ tốt nghiệp của học sinh đối với dịch vụ đào tạo, tỷ lệ các cuộc gọi của khách hàng được đáp ứng ngay phút đầu tiên.

Việc lựa chọn đúng KPI cần thiết phụ thuộc vào việc hiểu được chính xác điều gì là quan trọng đối với tổ chức, doanh nghiệp để đảm bảo thiết lập các KPI phù hợp và nhất quán với định hướng phát triển của chính tổ chức, doanh nghiệp đó. Hai yêu cầu quan trọng đối với việc xác định và thiết lập KPI là phản ánh mục tiêu của tổ chức, doanh nghiệp và lượng hóa được (có thể đo lường được). Khi tổ chức, doanh nghiệp đặt mục tiêu “trở thành doanh nghiệp có hiệu suất lợi nhuận cao nhất trong ngành”, các chỉ số KPI sẽ xoay quanh lợi nhuận và các chỉ số tài chính. Tuy nhiên, nếu tổ chức, doanh nghiệp đưa ra chỉ số về “tỷ lệ phần trăm lợi nhuận dành cho các hoạt động xã hội”, thì các chỉ số tài chính lại không phải là KPI.

Chỉ số KPI chỉ có giá trị khi được xác định và đo lường một cách chính xác. Nếu đặt các chỉ tiêu theo dạng “Thu hút khách hàng cũ” nhưng không có tiêu chí phân biệt

rõ ràng về khách hàng cũ và khách hàng mới, KPI sẽ không có giá trị.

Hay “trở thành doanh nghiệp nổi tiếng nhất” không phải là một chỉ số KPI do không có cách nào đo sự nổi tiếng của một doanh nghiệp hay so sánh sự nổi tiếng đó với các doanh nghiệp khác. Việc xác định rõ các chỉ số KPI và bám sát các chỉ số này là rất quan trọng. Đối với KPI “tăng doanh số”, cần làm rõ các vấn đề như đo lường theo đơn vị sản phẩm hay giá trị. Sản phẩm trả lại sẽ được khấu trừ trong tháng sản phẩm được bán ra hay khấu trừ trong tháng sản phẩm bị trả lại? Doanh thu sẽ tính theo giá niêm yết hay giá bán thực tế?

Lợi ích khi áp dụng KPI tại doanh nghiệp là rất lớn. KPI giúp cho việc thiết lập và đạt được các mục tiêu chiến lược thông qua việc xây dựng các mục tiêu cụ thể ở cấp độ, thậm chí đến từng cá nhân. Việc thiết lập mục tiêu, thông báo mục tiêu, đưa ra các biện pháp và nỗ lực đạt được mục tiêu sẽ giúp các tổ chức, doanh nghiệp không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh.

Cán bộ quản lý ở các cấp trong tổ chức, doanh nghiệp có thể theo dõi KPI để đánh giá xem các nhóm làm việc có đạt được mục tiêu kinh doanh không và hiệu quả tăng lên hay giảm sút. KPI có thể dùng để đánh giá hiệu quả giữa các nhóm khác nhau trong Công ty hoặc đối thủ cạnh tranh khác. Đặc biệt, mỗi bộ phận trong Công ty cũng thiết lập các KPI và từ đó hỗ trợ đạt được mục tiêu chung của Công ty. Dữ liệu về mức độ hiệu quả của từng bộ phận có thể hình thành nên KPI của cả Công ty và nó phản ánh hiệu quả tổng thể của Công ty. Một tổ chức, doanh nghiệp có thể áp dụng nhiều loại chỉ số KPI cho các lĩnh vực hoạt động khác nhau, tùy thuộc và mục tiêu chiến lược của mình. Có thể là các chỉ số liên quan đến hiệu quả tài chính, liên quan đến thị trường và cạnh tranh, hay quản lý nguồn nhân lực, chất lượng và môi trường ■

Tiêu chí Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP giai đoạn 2023 - 2025

✍ DUNG NGUYỄN

Bộ Công Thương vừa có Quyết định số 950/QĐ-BCT ngày 18 tháng 4 năm 2023 ban hành tiêu chí Điểm giới thiệu và bán sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2023 - 2025. Tiêu chí này là cơ sở để lựa chọn, xây dựng các Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP nhằm quảng bá, đẩy mạnh tiêu thụ, thúc đẩy sản xuất, phát triển làng nghề, sản phẩm là đặc sản vùng miền, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm có tiềm năng, lợi thế của địa phương.

Theo đó, Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được đặt tại các vị trí có giao thông thuận lợi, đông người qua lại, tập trung nhiều khách du lịch, khu dân cư đông đúc, đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Tại khu vực các cửa hàng ở nhà ga, sân bay, bến xe, bến tàu, các trạm, điểm dừng, nghỉ trên cao tốc, quốc lộ.

- Tại các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ.

- Tại các cửa hàng trong khu du lịch, nhà hàng, khách sạn.

- Tại các khu vực làng nghề, làng nghề truyền thống.

- Tại các khu trung tâm dịch vụ thương mại cấp huyện, xã, các khu, cụm công nghiệp.

- Tại các trung tâm hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm.

- Tại các Bưu cục/Bưu điện văn hóa xã trên mạng lưới bưu chính công cộng.



Điểm trưng bày và bán các sản phẩm OCOP của tỉnh Quảng Ngãi.

Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP có bảng hiệu, biểu tượng, biển hiệu nhận diện theo quy định; có bố trí quầy (tủ, kệ...) hoặc khu vực phù hợp để trưng bày, bán sản phẩm OCOP; có trang thiết bị cần thiết (tủ đông, tủ mát, kệ, giá...) để bảo quản hàng hóa phù hợp theo yêu cầu đặc thù của sản phẩm. Tổng diện tích dành cho giới thiệu và bán sản phẩm OCOP phù hợp, tối thiểu là 03 m²; đảm bảo các yêu cầu phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định. Khuyến khích thực hiện thành toán không dùng tiền mặt và ứng dụng phần mềm công nghệ trong quản lý bán hàng tại điểm bán.

Sản phẩm tại các Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP cần đáp ứng nhu cầu của thị trường, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng, bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, quy định của pháp luật về an toàn đối với sức khỏe người tiêu dùng và môi trường, đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Sản phẩm đạt hạng 3 sao trở lên theo Bộ tiêu chí đánh giá

giá, phân hạng sản phẩm OCOP được Thủ tướng Chính phủ ban hành.

- Sản phẩm trong danh mục sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm nông nghiệp nông thôn tiêu biểu.

- Sản phẩm là đặc trưng, đặc sản, tiềm năng, lợi thế của địa phương, vùng miền do Sở Công Thương lựa chọn.

Ngoài ra, các sản phẩm phải có tên, bao bì, xuất xứ và ghi nhãn hàng hóa sản phẩm theo quy định của pháp luật; có mã số, mã vạch đối với những loại sản phẩm có thể

đăng ký mã số, mã vạch để thuận tiện cho công tác quản lý và giám sát của khách hàng. Đối với sản phẩm nông sản thực phẩm phải đáp ứng các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và các quy định pháp luật khác. Sản phẩm phải được niêm yết giá bán, thể hiện rõ ràng trên nhãn, bao bì sản phẩm hoặc được niêm yết tại giá hàng, quầy hàng, điểm kinh doanh. Sản phẩm có bảo hành phải ghi rõ thời hạn và điều kiện, địa điểm bảo hành. Hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP không thuộc danh mục cấm kinh doanh theo quy định pháp luật ■

LIÊN KẾT SẢN XUẤT HẠT LÚA GIỐNG...

(Tiếp theo trang 26)

sản phẩm giống lúa tươi trong mô hình được Trung tâm Giống tỉnh thu mua tại ruộng nên đỡ công cho bà con chúng tôi phải thu hoạch và phơi.

Ông Phạm Xuân, Phó Giám đốc HTX Phổ Thuận, thị xã Đức Phổ cho biết: Qua tham gia mô hình, nông dân được biết và sử dụng các giống lúa mới, ngắn ngày, chất lượng QNg6 (Thiên hương 6), QNg128; được hưởng lợi từ thu nhập trên đồng ruộng cao hơn so với ngoài mô hình trên 6 triệu đồng/ha sau khi đã trừ đi phần hỗ trợ từ nhà nước; đồng thời, thông qua các lớp tập huấn về kỹ thuật sản xuất thâm canh lúa, giúp người dân nâng cao nhận thức về sử dụng giống lúa nguyên



Trung tâm Giống thu mua lúa giống tại ruộng cho các hộ dân tham gia mô hình.

chủng (QNg6, QNg128) trong sản xuất đại trà.

Với kết quả mang lại, mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ giống lúa nguyên chủng QNg6 và QNg128 đã nâng cao giá trị sản xuất, tăng thu nhập cho người trồng lúa; xây dựng được chuỗi liên kết bền vững trong sản xuất và tiêu thụ hạt giống; tăng cường sản xuất giống tại chỗ giúp giảm chi phí về giống, chủ động đáp ứng nhu cầu về giống cho sản xuất của các địa phương ■

ẢNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



Hội nghị phổ biến, chuyển giao kết quả đề tài KH&CN.



Đào tạo chuyên sâu về đo lường và cải tiến năng suất theo phương pháp Quản trị Tinh gọn - LEAN.



Tập huấn luyện quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu năm 2023.



Họp Hội đồng tư vấn thẩm định Trạm xử lý nước thải Khu đô thị mới Nghĩa Phú.



Kiểm tra mô hình trồng thuần gừng sẻ tại xã Sơn Trà, huyện Trà Bông thuộc dự án “Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gừng sẻ bản địa theo chuỗi giá trị tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi”



Kiểm tra mô hình trồng giống nếp Cút tại xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa thuộc đề tài “Điều tra, thu thập, đánh giá và bảo tồn nguồn gen giống nếp Ngự Sa Huỳnh và nếp Cút địa phương tại tỉnh Quảng Ngãi”.

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG VÀ DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: 202 Trường Chinh, P. Chánh Lộ, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

ĐT: 0255.3822911 - Fax: 0255.3828529

Trung tâm có chức năng phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; thông tin và thống kê khoa học và công nghệ; triển khai hoạt động nghiên cứu, thực nghiệm, chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ; thực hiện dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các hoạt động dịch vụ khác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.



Máy quang phổ huỳnh quang tia X (dùng để xác định hàm lượng vàng trong sản phẩm vàng trang sức mỹ nghệ).



Kiểm định XI TEC ô tô.



Hệ Thống máy sắc khí (dùng để phân tích dư lượng thuốc BVTV trong nông sản, hợp chất hữu cơ trong nước).



Kiểm định đồng hồ nước.



Kiểm định công tơ điện.



Kiểm định máy đo X-quang.